

TUẦN BÁO RA NGÀY THU BAY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm: **VŨ BÌNH HÒE**

TRONG SỐ NÀY:

- | | |
|--|---------------------------|
| Việc thống nhất các chính-dân | VŨ BÌNH HÒE |
| Những nỗi khó khăn của nông dân để làm vụ mùa sắp tới | NGHIÊM XUÂN TÂN |
| Những kết quả trái ngược và tai hại của hòa ước Versailles | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| Thực dân để truyền-bá văn-minh? | B. G. T. |
| Việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam | VŨ BÌNH HÒE |
| Đời sống Đông Dương: Việc dùng tiếng Việt Nam trong các kỳ thi - Việc bãi chế-độ thu thuế ở Trung kỳ | T. N. |
| Phật xuất (kịch của Tào Ngụ) | DẶNG THÁI MẠI dịch |
| Một tâm hồn nghệ sĩ (nguyên văn của Somerset Maugham) (tiếp theo) | LÊ BÌNH CHÂN dịch |

SỐ 109 - NGÀY 19 tháng Năm 1945

TÒA BÁO: 15 PHỐ HÀNG DÀ HÀ NỘI * Giá nôi: 19.43 * GIÁ

1920

VIỆC THỐNG NHẤT CÁC CHÍNH ĐẢNG

VU DINH HOÀ

Trong vòng hai tháng nay, khắp trong nước đã thành lập nhiều chính đảng. Có người thấy thế lo lắng, cho rằng họ biến loạn óc đảng phái gây sự chia rẽ, rất có hại cho công cuộc xây dựng tân quốc lập.

Một lo lắng rất chính đáng, phát từ ta n trong yêu nước thanh thản nhưng họ căn cứ vào một điều suy luận sai cho kỹ thì sẽ thay không được bằng sự thực.

Trong nước hiện có nhiều chính-đang, nguyên nhân không phải tại óc đảng phái, mà do chỉ là một việc tại nhiên phát như thế, vì tình-thế, và lúc đầu cũng ưên như thế.

Chỉ sau ngày 9 tháng 5 chúng ta mới được công-nhiệm hợp môn chính trị. Và ai cũng thấy rằng muốn củng cố nền độc lập này còn cấp bách phải đoàn kết bằng cách lập chính-đang. Lập thế nào? Một nhóm người đều hoàn toàn tin cậy được nhau về sự thật tâm, và năng lực hoạt động, vì đã từng cùng làm nhiều công việc, bên hợp nhau lại vào làm một chương trình, và bắt đầu ngay sự tổ chức một đảng với các điều kiện như sau đây chỉ vẫn theo hai tiêu kiện ở trên: sự thật tâm và năng lực hoạt động. Công việc cần đến thì giờ: một đảng như vậy không thể thành lập được trong ngày được. Trong khi ấy, cùng một lòng yêu nước sôi nổi mọi nhóm bạn hữu khác, trước tình thế nghiêm trọng và cấp bách, không chờ đợi những hạnh vi của đảng kia để sau khi thành lập rồi mới hợp tác được nhau, hai nhóm này sẽ sáp nhập với đảng kia thành một đoàn thể chung. Thế theo đuổi ngay mục đích phụng sự quốc gia chỉ có một lời thực hành là nhóm nào cũng phát hợp ngay thành một tổ chức và bắt đầu hoạt động ngay. Vậy, vì tình-thế, hiện nay (ta mới thoát vòng áp bức được hơn hai tháng) người ta nhận thấy có nhiều chính-đang: việc ấy lúc đầu tất nhiên phải thế, không thể nào tránh được. Và chúng lúc đầu cũng ưên thế: chỉ có lời hoạt động ấy là hợp với thực-tế, chỉ có lời ấy mới gây được ngay những tổ chức vững chắc.

Lưu nhiên ai cũng thấy rằng việc thống nhất các chính đảng là điều cần cho quốc gia trong lúc này. Việc ấy có thể thực hiện được hay không? Có người e ngại vì thấy hiện có nhiều chính-đang quá. Thiết tưởng không có gì đáng lo lắng cả. Vì sự có nhiều đảng bây giờ, nguyên do không phải tại óc đảng phái mà chỉ bởi tình thế xui nên. Không những thế mà sự thống nhất

bây giờ hơn lúc nào, tôi còn thấy để đảng này và nó đang đáp ứng vào điều mong ước của mọi người và hết thấy chỉ đảng, ở đây nó đang rất khác nhau về khuynh hướng chính trị. Mục đích hoạt động trong giai đoạn này, chỉ là một xây dựng nền độc-lập thì hợp nhất sự hoạt động để gây chung một sức mạnh là một việc tự nhiên lắm.

Điều khó không phải là ý muốn thống nhất mà là phương pháp thống nhất

Thống nhất bằng cách nào? Đây mới là vấn đề.

Phải tìm một phương pháp thiết thực.

Hop tất cả các đảng lại thành một đảng duy nhất trông đó những đảng cũ bị thủ tiêu hẳn là một điều hay và cũng, nếu thực có sự thủ tiêu ấy sự thủ tiêu không ở ngoài đời mà ở cả hành vi, ở cả thái độ, ở cả tâm hồn. Phải « Đồng tâm » hoàn toàn đồng tâm nghĩa là đồng chí, đồng ý và đồng hành.

Về ấy theo ý tôi, nên làm nhưng chưa có thể làm được trong lúc này và trong lúc này, cũng chưa nên làm vội. Không phải vì thiếu sự thiết thực muốn vậy. Chỉ vì tình thế. Ta nên theo sát sự thực, và đừng hấp tấp đi quá sự thực.

Vài chính đảng, vì đã cùng làm việc với nhau, vì đã có nhiều liên lạc với nhau, vì ăn ý hơn toàn với nhau (không những mục đích mà còn về lối tổ chức về phương pháp về chương trình hoạt động), hoàn toàn tin cậy được nhau không một chút dè dặt thì có thể hợp nhất lại thành một đoàn thể.

Nhưng trong lúc này mà hầu hết các chính đảng mới bắt đầu tổ chức và tổ chức theo những lối khác nhau tùy tình thế, tài lực, quan-niệm riêng của mỗi nhóm thì việc thống nhất ngay các đảng thành một đảng duy nhất là một việc về lý tưởng là một điều hay và ai cũng mong ước, nhưng về thực-tế thì chưa có thể làm được.

Vả chăng, trong lúc này cũng không nên làm như thế. Điều quan hệ là theo đuổi cùng một mục đích; đồng tâm đi trên một quãng đường, theo cùng một chiều, nhằm cùng một đích gần gụi. Việc ấy có rồi. Còn đến phương-tiện thực hành thì cần phải khác nhau: đứng thuyền bè, xe hỏa, ô tô hay xe đạp là tùy theo tình-thế, tài lực và sự tài lực của mỗi nhóm người đi trên quãng đường ấy. Đề nhóm này có bị dừng lại vì có sự cản trở thì còn nhóm kia cứ đi tiếp, bằng phương tiện riêng của mình.

Căn cứ vào tình-thế chính-trị hiện thời và những trở lực có thể đột khởi cùng sự chuyển biến của thời-cực có thể xảy đến, chỉ có một phương pháp thiết thực để thống nhất là phương pháp lập chiến-tuyên. Mỗi chính đảng cử đại-biểu hợp với đại-biểu các đảng khác để thảo luận và quyết định một chương trình hoạt động chung trong

giới hạn của sự đồng ý một đoạn trong dĩ chương. Rồi các chính đảng sẽ mỗi đảng thực hiện một chương trình ấy bằng lối tổ chức riêng của mình, hoặc hành động riêng hẳn, hoặc gom góp những phương-tiện riêng để cùng thực hành một việc trong chương trình ấy.

Lối thống nhất này không phải là thống nhất những chính-đảng thành một chính đảng duy nhất mà là liên hiệp những chính đảng để thống nhất sự hoạt động theo một mục-tích nhất định trong một giới hạn nhất định, để thực hành một chương trình nhất định.

Thiết tưởng đây là phương pháp thống nhất rất thực và thiết thực nhất.

Để đi tới bước thống nhất ấy (thống nhất sự hoạt động) muốn cho sự hoạt động được rất thực và thiết thực nữa, còn phải qua bước sửa soạn, tức là các chính-đảng liên lạc với nhau về từng việc để cùng tìm và thực hành một kế hoạch chung để giải quyết một vấn đề quan hệ đến cùng cuộc sống dân tộc (mục đích chung trong lúc này). Rồi sau khi đã gặp gỡ nhau nhiều lần, sau khi đã cùng làm việc nhau nhiều việc, sau khi đã có dịp hiểu biết nhau thì việc lập một chiến-lược với một chương trình, với một cơ quan điều-khiển chiến-lược là một việc sẽ tự nhiên thực hiện.

VŨ ĐÌNH HỒ

Cuốn sách đầu tiên trong bộ **Thanh-Nghĩ từng thu**

SẼ PHÁT HÀNH NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 1945

NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC Ở CÁC NƯỚC

VÀ VẤN ĐỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC của VŨ ĐÌNH HỒ

GIÁ : 7\$00

Đại lý ngài nào nhận bán bao nhiêu xin gửi giá đủ ngay tiền, xin lấy từ 10 quyển trở lên.
rủi hoa hồng 20%. Gửi ngân phiếu cho : VŨ ĐÌNH HỒ 45 phố hàng Da Hanoi

Cuốn : CUỘC TIỀN HOA CỦA NỀN TƯ BẢN ÂU

TÂY của Vũ Đình Hồ sẽ phát hành ngày 1 tháng 6 1945

NHỮNG KẾT QUẢ TRÁI NGƯỢC và tai hại của hòa ước Versailles

BỒ ĐỨC DỤC

Trong một số Thanh-Ngại trước (số 107, ngày 5-5-1945) chúng ta đã thấy rằng những chủ trương trái ngược của các nước đồng minh trong khi thảo luận để đi tới Hòa ước Versailles đã đưa đến những điều khoản trái ngược của Hòa ước đó. Trong kỳ này chúng ta xét đến những kết quả trái ngược và tai hại của Hòa ước Versailles do những điều kiện trái - ngược kia sinh ra.

Ta lần lượt xét tới những kết quả của những điều khoản về đất đai, về bồi thường chiến tranh, sau hết về vấn đề bảo đảm.

Như ta đã nói trong kỳ trước, cái nguyên tắc căn-lấn để giải quyết vấn đề đất đai là nguyên tắc dân-tộc tự-quyết. Nhưng ta cũng đã thấy rằng Lloyd George, Clémenteau và Orlando đã lợi dụng nguyên-tắc đó để chia rẽ và băm vụn đế-quốc Đức-Áo ra làm nhiều mảnh, cũng là sên cát đất đai của các nước bại trận khác như Hung, Ba-lan, Tiệp, để gán cho mình, hoặc cho các nước bạn sẵn có hay mới thành lập.

Xét về thực-tế, sự thực-lành triệt cội nguyên tắc dân-tộc tự-quyết là một điều khó khăn, có khi không thể được, là vì ở nhiều nơi như ở Trung Á và các vùng người khác nhau không phải là ở hẳn ra từng khu vực có những đường giới rõ-rệt, mà họ lẫn lộn với nhau trong những khoảng đất nhỏ hẹp không có thể phân chia thành từng nước được. Và lại các dân có thể phân-biệt được từng khu-vực nhỏ của từng dân tộc một, sự phân chia ra thành từng nước vẫn vật không phải là một điều nên làm nếu những

miền đó không đủ điều kiện về địa dư và kinh-tế để cùng biệt lập. Không những thế, vì lẽ sinh hoạt, tự nhiên là các dân tộc nhỏ đó thấy cần phải tìm sự đoàn - kết với nhau ở một phạm vi nào rồi phải có một dân tộc lớn hơn họ liên và uy hiếp những dân tộc khác để tìm cách tuyên truyền để gây sự chia rẽ có lợi cho mình. Cho nên cái nguyên tắc dân-tộc tự-quyết có thể nên hiểu một cách rộng rãi, nghĩa là trong một nước, hay nơi cho đúng hơn trong một đơn vị địa-dư và kinh-tế, nên có những giống người khác nhau ở chung đụng thì phải làm thế nào cho mỗi giống người đó được có quyền ngang nhau để tự mình phát-triển một cách dễ dàng, tự nhiên và đầy đủ, không có một uy lực nhân tạo nào kìm hãm lại được.

Như thế, kết quả trái ngược của Hòa ước Versailles chính là do cố định-làm của đồng minh làm yếu đi bằng cách chia rẽ mấy nước thua trận để lập nên nhiều nước nhỏ, có khi là nhân-tạo, và lại để cho những nước đó tự nêu cao cái nguyên tắc quốc-gia mà song hoàn toàn biệt lập, tạo ra sự xung quanh mình những bức tường quan-thuế kiên cố, để rồi trở nên thù địch với nhau ngay cả về mặt lý-lợi phải thỏa thuận kết liên với nhau. Vì ra về mặt kinh-tế cho có thể mở rộng giao-mại và tự bảo vệ. Cái mầm để chiến tranh tiếp là ở sự tranh giành giữa các nước quốc đó, và tất cả không là gì khi một nước như nước Đức nổi lên làm chủ, để có thể thôn-tiếp hay ít ra cũng thu gôm hết các nước nhỏ ở chung quanh vào phạm vi thế lực của mình. Tất cả ra kết quả thực đã đi ngược hẳn lại ý muốn của các cường quốc chủ-trương hòa-ước Versailles.

Ấy là ta chưa kể đến sự chia rẽ mấy nước bại trận để gán cho nước này hay nước khác mảnh đất họ mảnh đất kia, có khi bất luận đến nguyện vọng của mọi dân tộc, để gây nên sự ghen tị cạnh tranh chính ngay giữa các nước thắng trận và đồng minh, ví như các nước Ý và Nam-tư cạnh tranh vì hải cảng Fiume, Ba-lan và Lituanie ganh nhau trong miền Vilita, Thụy-diễn và Phần-lan giành phần rỗi rỗng đảo Aland; trong khi đó mấy nước thua trận bị ức hiếp một cách quá đáng, — vì họ bị người ta chặt chân chặt tay, — chỉ những mưu sự khôi phục để trả thù.

Còn như vấn đề thuộc địa thì một cách giải quyết giản dị của Anh Pháp là bao nhiêu thuộc địa cũ của Đức đều do mấy cường quốc chia tay nhau một cách khôn khéo dưới cái danh từ ủy-nhiệm. Sự giải phóng chỉ là một điều vô cùng tương nã nguyên-tắc dân-tộc tự-quyết thì không ai nghĩ đến để đem thi hành ở đây. Hai đế quốc kẻ thù của Anh và Pháp chính nó đã là một nguyên nhân của cuộc đại chiến thì nay lại có dịp để bành trướng thêm lên trước con mắt căm hờn của nước Đức và ngay cả của nước Ý bị « lép vế » nữa. Đó chính là căn nguyên những yêu sách về đất đai của hai nước trong mấy năm trước đây và đã đưa tới cuộc chiến tranh này.

Đầu sao, để tránh một sự quấy cường để trả thù ở tương lai, người ta không những đã chia rẽ, đã « chặt chân chặt tay » Đức, mà người ta còn lo tìm cách làm kiệt quệ hết mọi nguồn sinh lực của Đức bằng cách bắt chịu một khoản bồi thường chiến-tranh rất nặng mà ta xét đến ở phần sau.

II. Vấn đề bồi thường chiến-tranh.

Hãy ban bồi thường do các nước đồng minh thiết lập đã định số tiền mà Đức phải trả các nước thắng trận là 132 ngàn triệu đồng mark — vàng.

Nhưng bằng cách nào? Nhất là sau khi hầu hết những phương tiện xuất-sản của nước Đức đã bị tịch thu — (xem kỹ trước).

Giả bằng vàng? — Nhưng sau mấy năm giới chiến tranh số vàng của nước Đức không còn mấy nữa.

Giả bằng nhân công? — Nếu như vậy thì nhân công Đức sẽ cạnh tranh với nhân công các nước đồng-minh, biết bao nhiêu quân đội đồng-minh giải-ngũ cũng đang rần rần phải có việc làm. — Bằng hàng hóa? Nhưng chính ngay hàng hóa của các nước chủ nợ xuất-sản cũng cần phải được tiêu thụ và như thế không thể để cho hàng Đức cạnh tranh được.

Hay giả bằng tiền tệ ngoại-quốc? — Ở đây nữa sự xuất cảng hàng hóa nghĩa là sự cạnh tranh của Đức trên thị trường thế-giới cần để cho Đức thu vào những tiền tệ kia.

Nói tóm lại việc thanh toán công nợ và việc bồi thường giữa các nước không phải lệ thuộc số tiền nợ do các loài nước quyết định, cũng không phải lệ thuộc sức trả nợ của những nước còn nợ, mà chính là lệ thuộc số hàng hóa do thị trường quốc-tế có thể tiêu thụ được. Thành ra các nước đồng-minh phải chọn một trong hai đường: một là muốn tránh kiêu sự cạnh-tranh thì phải xóa bỏ hết các món nợ đi, thế mà quyết nhiên đó không phải là ý muốn của Anh và Pháp; — lại là muốn được bồi thường thì phải chịu đựng sự cạnh-tranh của Đức trên thị trường quốc tế, nhưng nếu vậy thì sự chủ-trương của những đế-quốc kỹ-nghệ và tự-lên-lưu Anh và Pháp gạt bỏ một kẻ cạnh tranh đáng sợ như Đức, lại không thành.

Sự thực, nước Đức đã hết sức phản-đối và tìm cách lần tránh việc bồi thường kia mà họ kêu rằng vượt quá cái sức giả nợ của họ. Các nước đồng minh đã phản-ứng những sự chống-trị bằng binh lực để bắt Đức phải tuân theo, nhưng rồi họ cũng thấy rằng lên không hiệu-lao nhiều rồi họ lại ăn vào cách thức giả nợ và những kế-hoạch Darves và Young mưu giải quyết cũng không thắng hết được.

Darves và Young (Xem tiếp trang 26)

132 tỉ mark vàng

NHỮNG NỖI KHÓ KHĂN CỦA nông dân để làm vụ mùa sắp tới

NGHIÊM XUAN-YEM

Nạn đói ở xứ ta hiện nay khủng khiếp. Khắp chốn dân gian ai ai cũng lo đói, và sự rằng những ngày đói còn kéo dài mãi mãi chưa biết bao giờ xong. Lời tuyên bố đầu tiên của Vì Tổng Lý Nội-các : « Lo cho dân đủ gạo ăn... » và sự đặt ra một Ủy Tiếp-tế trong Nội-các đầu tiên của nước Việt-Nam độc-lập đủ chứng tỏ rằng vấn-tế thóc gạo cho dân ăn ngày nay quan hệ tới chúng ta. Người ta đã bàn đến đem gạo Nam-xỳ ra, ban đến đông tấc ở các tỉnh Lạng-sơn, Bắc-giang, Thái-nguyên... đem về nuôi ban sửa đổi lại chính-sách thu thóc của các điền-chủ để đem cứu nông vùng đói, là, dân chết mỗi ngày hàng trăm mạng trở lên. Những cách ấy, công-biên hoặc nhiều hoặc ít, đều dễ giải-quyết tạm thời nạn đói ruộng-rẫy ở trung-châu ngày nay. Trong bài này tôi muốn nói đến một mối lo xa hơn đôi chút. Đó là mối lo của nông-dân làm vụ mùa sắp tới, bắt đầu từ tháng tư ta trở đi.

Toàn thể nông-dân xứ Bắc hiện thời, trừ một số những kẻ đã bị đói quá không dám hy-vọng chi ở tương-lai, còn thì hiện cũng đang lâm vào một tình thế nguy-kịch. Họ đang vô cùng lúng túng trước nhiều sự khó khăn cực điểm và họ lo rằng nếu vụ mùa này làm ăn không chút lợi át những ngày đói kém còn liên miên và dân sẽ còn chết đói nhiều gấp 3, gấp 4 bây giờ.

Trước hết tôi xin nhắc rằng ở xứ nhà có tới 17.000.000 nông dân thuộc hạng tiền-nông, chỉ cấy cấy từ 5 mẫu ruộng trở xuống. Trong một xã Thanh ngệ trước tôi đã có dịp tính rõ ràng để mọi người hiểu cho rằng hạng tiền-nông này bây giờ đã khánh-hiệt, một phần vì chính-sách thu thóc tàn-bại của người Pháp, một phần vì mùa màng bị thiệt-hại trong năm vừa qua : Năm-dinh dân số 1.011.000 người, ruộng cấy cấy bị thiệt-

hại : 121.900 ha : Thái bình, dân số 927.000 người, ruộng cấy cấy bị thiệt-hại 118.100 ha... Ngoài ruộng tiền-nông này lại còn hạng tá-diên và-sĩ ở các địa phương : từ 1.000, từ 200.000 đến 250.000 gia-đình (xem T.V. số 55). Bình thời nhàn hạ, kẻ sĩ và tá-diên cấy ruộng hộ các đại-điền-chủ này đã thè ra bị thiếu thốn : ngày này họ càng bị thiếu đói trăm phần.

Ở trong tình-thế hiện-thời, toàn thể những tiền-nông gia ấy, muốn làm vụ mùa sắp tới này mai, gạo những trở lực lớn sau đây :

1) *Thiếu lương ăn* Chắc ai cũng đã biết rằng dân quê hiện nay đói hơn hẳn trước, cái ăn chỉ ở, củ chuối... tất nhiên họ không còn thóc trữ để ăn mà làm vụ mùa, ruộng rẫy suốt từ trung tuần tháng tư tới trung-tuần tháng bảy được. Lo gạo mỗi bữa có được vài bát cháo loãng còn khó tiêu, bụng đói mong chi được hàng ngày 500gr gạo để tạm đủ sức cầm nổi cái bữa, vạc nổi gầu nước hay nhờ nổi khóm mạ. Đã đành rằng người ta còn trông đợi ở vụ chiêm sắp gần. Nhưng lúa chiêm năm nay tuy tốt mà số ruộng đã cấy được chiêm không có bao nhiêu. Bởi lẽ trải qua mấy tháng giá rất cao cuối năm ngoái, mạ gieo không mọc, lúa mới bên chân bị chết lụi, nhiều nơi phải cấy đi, cấy lại 2, 3 lượt ; giá mạ chiêm lên tới 2\$00 một chiếc : cấy một sào chiêm phải tiêu 60\$00 tiền mạ. Vậy đáng lẽ cấy một mẫu, nông-dân chỉ cấy được 5 sào. Và chẳng cần chi những hạng trung-diên-chủ trở lên mới có vốn bỏ ra để cấy được chiêm, chớ bọn tiền-nông (mà bọn này lại chiêm đại đa số) thì lấy tiền đâu mà cấy ? Vì thế, dù có vụ chiêm, người ta cũng không hi-vọng gì dân quê đủ thóc ăn để lo làm việc cấy vụ mùa sắp tới.

2) *Thiếu thóc giống*. Thóc ăn đã thiếu, thóc giống ắt cũng chẳng còn. Trong những năm bình thường, nông-dân nghèo cũng ít khi để giành được thóc giống. Những tá điền thì trông vào các chủ điền cho vay đã đành, nhưng các tiểu-nông gia thì hoặc đến mùa sạ mua mạ hoặc đem thóc thit, tức là thóc để xay ăn, đổi lấy thóc tốt làm giống. Từ năm nay, tất nhiên các nhà nông cũng khôn chỉ còn trông đợi ở sự vay mượn các nhà giàu. Nhưng nhà giàu này sẽ không bỏ lỡ một dịp tốt để bắt chẹt kẻ thiếu thốn. Bởi vậy tất cả nông-dân đều đoán trước được một giá thóc giống cao lên đến tận bảy, hoặc một sự cho vay thóc giống với số lãi một thành ba, thành bốn. Đối với những kho thóc của người Pháp đã tịch trữ kể hàng triệu tấn thóc thì số 489.000 tạ thóc giống đã cứu 888.150 ha ruộng mùa ở trung-châu không thấm vào đâu, nhưng đối với nông-dân nghèo thì 20 kg thóc để gieo một sào mạ đủ cấy một mẫu ruộng thừa là một số thóc khó tìm.

3) *Thiếu vốn*. — Làm ruộng cần phải có vốn để thuê mướn thêm đất, sắm các nông-cụ và nhất là để ăn trâu bò vì để mua mẫu ruộng. Giá trâu bò tuy gần đây đã hạ, nhưng cũng vẫn còn trên dưới một nghìn đồng hoặc một con trâu 6, 7 trăm hoặc một con bò. Tháng tư đi đầu trâu bò, một số đông nông-dân vẫn phải có lá trâu chỉ để làm một vụ mùa, sang tháng 8 lại bán về những vùng đồng chiêm cho người ta cấy bừa chiêm. Rồi qua năm sau, trước khi ra mạ, rào, đủ nước cấy vỡ ruộng họ mới lo tiền đi đầu trâu khác. Vậy mà, so giá trâu từ tháng 8 năm ngoái với giá trâu hiện thời, người ta nhận thấy nông-dân nào đã chót bán mất trâu, thì bây giờ khó lòng mà lại được trâu nữa. Và chẳng, tuy đầu trâu xong, nếu cấy, bừa và các nông-cụ khác đều đã hỏng thì người dân quê lại còn làm sao sắm cho được một cái bừa bầy, tám mươi đồng bạc, một cái cuốc 10\$00... Nhưng tôi mới chỉ nói ở trên đây đến những nông-dân có sẵn ruộng để cấy cấy; còn những người vốn quen đi mua mẫu ruộng để làm thì năm nay cũng khó lòng có tiền để mua mẫu với những giá từ 500\$ đến 800\$ một mẫu.

Nếu ở khắp các vùng tiểu-công-nghề dệt the lụa, dân công nghệ đều thất-nghiệp với vốn 1000\$00 bây giờ không đủ để làm vốn để một khung cửi lụa», — lời một người ở làng La-Cả nói với tôi thì ở khắp xứ ta bây giờ mọi người đều phải nhận thấy rằng với hai, ba nghìn đồng bạc, nông-gia chẳng đủ để làm vốn tậu một con bò khỏe, mua mẫu dăm ba mẫu ruộng và sắm sửa cấy bừa thừng, chấu mà cấy cấy. Thực là một cảnh trái ngược, trong buổi tiền bạc đầy nhiều hơn là tre rừng mà dân gian vẫn thiếu vốn làm ruộng.

4) *Thiếu trâu bò*. — Trong Thanh-Nghị số 70, tôi đã nói nhiều về nỗi dân quê xứ Bắc thiếu trâu bò làm ruộng. Ngay thương-toàn cõi trung-châu đã phải cần có thêm tới 5 vạn con nữa tại nơi đủ sức vật để cấy bừa ruộng được kỷ lượng và kẻ nông-phu hẳn hẳn mới khỏi cái nạn làm kiếp súc-vật kéo cấy thay trâu, bò.

Từ tháng một năm ngoái đến tháng giêng năm nay, trời làm giá rét khác thường. Vì đói cỏ trong buổi khô hanh, vì không chịu được rét công trong buổi hàn-thử-biêu xuống đến 6 số trâu bò chết tới 50% ở trung-châu và 30% ở trung-thượng-du (theo lời của một bạn Thú-Y). Ở đường ngược tuy rét nhiều hơn trung-châu nhưng trâu bò sẵn cỏ ăn, vẫn có sức hơn. Và lại thổ dân trên đó sẵn củi, thường ban đêm đốt sưởi được cho súc-mục nên tỷ số trâu bò chết kém dưới vùng xuôi. Vậy ta chỉ tính nhằm một phút đã thấy rõ rệt ngay cái nguy cơ thiếu trâu bò của nông-dân toàn xứ. Cũng vì súc-vật chết nhiều nên trong mấy tháng trước, giá trâu bò cao vọt lên. Tại chợ Hà đông, một con trâu cái già cũng giá tới hai nghìn bạc. Những con nghé được độ 4 tuổi, có sức lực và khoảng khoảng đẹp phải tậu tới tới tới 3000\$00. Trong một tháng nay giá súc-vật đã hạ được mỗi con vài ba trăm. Nhưng có phải bởi trâu bò thêm nhiều lên không? Không, nguyên-nhân sự hạ giá ấy là bởi dài-qi các vùng Thái-bình, Nam-định, Phú-lý... bị đói, hiện chứng dưới sức quá

đổi, không hi vọng làm ăn gì được nữa, đành bán trâu bò đi. Hiện nay bao nhiêu lái trâu bò Đồng-Kì (dân làng Đồng-Kì, gần chợ Dầu, phủ Từ-sơn, Bắc-ninh chuyên nòm buôn trâu bò) đều không lên mạn ngược buôn súc vật về xuôi nữa. Họ đổ xô cả về miền Nam, miền Thái, mua lại trâu bò của nông dân thất-nghiệp dưới ấy đem lên các vùng trên bán (Hà-dông, Bắc-ninh, Hưng-yên...). Thật là một sự đảo lộn trong việc luân chuyển trâu bò hàng năm mà người ta chưa từng được thấy xảy ra ở xứ này. Xem vậy, sự trâu bò hạ giá trong vòng độ một tháng này không có chi đáng lạ quư. Trái lại, chúng ta đều nhận rõ ràng thấy rằng rồi ngày-liên vô cùng el o-nghê nông xứ nhà trong vụ mùa sắp tới. Người ta phải rừng mình khi nghĩ đến các tỉnh Nam-dinh, Thái-bình vốn là những nơi dân đông, nhiều ruộng nhất (tổng xứ mà ngày nay những kho thóc của Bắc-tý ấy sẽ rỗng không.

Vả, chẳng chỉ trong ít nữa nữa, số trâu bò ở các tỉnh bị đói đến tuyệt vọng, kia bán rẻ sang những nơi khác đã hết, thì người ta sẽ càng nhận thấy sự thiếu súc vật để làm nông đáng nguy và đáng lo hơn nữa. Khi ấy, các lái trâu bò quay trở lên trung, thượng-du để tìm mua súc-mục thì họ sẽ thấy vì tình thế hiện tại ở nhiều đường giao thông bị gián, lộ thông thì đi lại nhiều vùng để mua trâu bò được nữa, và dù có mua được sự vận-tải về các xuôi cũng khó khăn vô cùng.

Nói tóm lại vì trâu bò ở, động xuôi bị đói rất chết nhiều, vì trâu bò mạn ngược ngày nay khó đem về trung-châu, nên số súc-mục để làm ruộng ở trung-châu so với mọi năm sẽ thiếu hẳn đi quá nửa.

Vậy dầu rằng ở một vùng nào, dân quê may mắn còn đủ thóc, đủ vốn để làm ruộng thì những tấn bi-kịch vợ, con họ phải làm thân trâu, chổng cày sẽ lại thấy diễn ra luôn luôn và nhiều gấp bội những năm bình-thời về trước.

5) **Thiếu nhân công.**— Trữ lực sau cùng khiến nông dân ta khó làm vụ mùa sắp tới là sự thiếu nhân công để giúp việc cày cấy. Nói vậy

có người sẽ ngạc nhiên, vì người ta há chẳng đã bán cái tên biết bao nhiêu lời và đây, mục đích giải-quyết vấn đề nhân mãn. Đã thừa người thì ngày nay tuy một phần dân-số bị chết đói nhưng có lẽ nào đã đến rồi thiếu nhân công ngay? Sự thực thì những vấn đề dân-sinh và kinh-tế ấy không đơn-dị được như vậy. Nếu nói riêng cho một vùng trung-tâm diêm, trung-châu xứ Bắc thì người ta mới thấy sự dân nghèo, đất chật:

Dân-số

Tính trên một km² đất. — Trên một km² ruộng (densité démographique) (densité alimentaire)

Hà-dông	574	1.425
Hải-dương	314	523
Hà-nam	394	296
Hưng-Yên	498	625
Nam-dinh	676	809
Thái-bình	593	789

Những con số này trích trong *Economie agricole de l'Indochine* của Y. Henry, vậy đã hơi cũ từ 15 năm rồi. Nhưng nó cũng cho ta một đại ý về sự đông đúc người ở giữa trung-châu.

Nếu rồi gồm hết cả 12 tháng trong một năm thì người ta cũng lại thấy dân-quê xứ nhà thiếu công việc làm. Từ tháng giêng qua tháng lỵ, từ cuối tháng 7 đến đầu-tuần tháng 9, từ cuối tháng một đến giáp-tết, họ kéo nhau lũ lượt lang thang đi tìm việc khắp mọi nơi, trên các tỉnh trung-du và thượng-du, ở các mỏ và các đồn điền.

Nhưng nếu người ta chỉ tính họ cho nông dân trung-biên trong 2 vụ cấy và gặt, thì người ta thấy rằng lúc bấy giờ nông-dân cần dùng rất nhiều người làm và chỉ lo không đủ người.

Thứ nhất, vì nghề cấy lấy lúa của ta trọng đợi rất nhiều ở sự mưa nắng bởi trời. Nếu tháng 6 hạn hán, nhà nông cần cấy chạy cạn, phải tát nước qua 5, 7 đặng gầu sông, gầu dầy; nếu tháng 5, hay tháng 10, xảy ra mưa bão lớn, hoặc mưa rầm hàng tuần, cần phải gặt kịp để lúa khỏi đổ, khỏi bị ngập đẫm, mà m thì ở trung-châu, trong vòng vài ba tuần lễ, cần tới hàng triệu nhân công, chứ không phải hàng triệu hàng vạn. Nói ngay trong lúc bình-thời, dù mưa nắng thuận-lòà, riêng vụ

cây mía, 888.120 ha ruộng' cày cấy : mỗi mẫu lấy 27 công thợ cấy dân bà, 5 công nhổ mạ dân ông, tổng cộng : $22 \times 888 \cdot 120 = 28.420.800$ nhân công. Thờ ơg thường nhà cày rông rá 50 ngày, — mồng 10 tháng 5 cón hết tháng 6. — Mỗi ngày cần lời sấp xỉ 57 vạn ngđi làm ; trong số đó quá 56 là thợ dân bà. Vì thế, hàng năm, cứ đến nhà cày gặt, những lưu-dân sau một vài tháng lên kiếm ăn trên cđg rợi qđ lại họp nhau thành bọn 5, 10 ngđi lẻo rầu từ đầu sông, ngẹn ngđon về rợi rợi rợi Họ đi tới dân gáp việc làm tới đó. Thờ ơg thì ở miền trên hay cấy và gặt trước đi tới rợi nên có làm bọn cđ tuấn rợi cấy thuê, gặt mướn, lần lượt qua các tỉnh từ trung du rồi đến cuối mùa cũng về về để làm việc ở rợi quê quán. Như thế, nếu trong sự luân-lưuđn dân cđg xảy ra một cản trở ắt có làm vùng bị thiếu người làm. Rợi gđ đánh đề bị tại nhà làm hoặc lúa đánh đề ngâm chìm dưới nước, một mẫu.

Những cản trở đó, nhất là nay là rợi chúng ta nhận rõ thấy. Thực vậy, từ 5 tháng nay một phần lớn dân quê vô sản, chuyên môn đi cấy thuê, gặt mướn, đã vì rợi đói chết rợi đđng chấ ở khắp các rợi đđng. Họ phần rợi còn rợi rợi những sống bất hảo, từ 2, 3 tháng nay họ rợi có một loại cơm dính ruợi, họ đã thành một hạng phế nhân trong vụ mùa sắp tới. Dù có lẽ nào còn sức cắt măt rợi rợi này thì sức làm việc cũng chỉ có thể bằng nửa ngày xưa. Nhà chẳng nhà rợi nào bây giờ cũng chỉ còn giữ được số thức ăn rợi rợi ; họ sẽ biết là rợi rợi dám mướn những kẻ đói cơm ấy làm, vì lực lượng ăn để hồi sức của họ sẽ vô cùng rợi rợi gđ cho nông gia.

Một phần thứ ba dân chúng nữa đã bị lưu lạc từ tháng chạp đến bây giờ, trên các tỉnh trung, thượng-du. Từ những kẻ đã bị rợi rợi chết đói lợi đi, hoặc đã kiệt sức, thuộc vào hai hạng trên tới rợi nói thì dù còn những người vẫn khỏe mạnh, đủ sức cầm rợi, lúa v... họ cũng khó lòng quay trở về được rợi rợi, đứng núp luân-lưu như mọi năm xưa. Sự khó khăn ấy tới

a) Đường giao thông và cách giao thông không thuận tiện bằng trước.

b) Tiền lộ phí và lương ăn đi đường rợi không còn có đủ.

Càng về gần trung tâm, gạo càng đắt và những củ sản rẻ mạt, v... v... càng hiếm đi Giá xe rợi, tàu bè bây giờ cũng đắt. Xưa kia (\$30 bây giờ 10\$60. Xưa kia đi măt 5 giờ đồng rợi, bây giờ măt 2, 3 ngày chờ đợi ; cơm rợi rợi, tiền trọ, những món tiền rợi thiếu và rợi cần ấy có thể khiến rất nhiều dân rợi đói đành phải rợi rợi nả quơ ngày tháng lam ở một nơi, không dám hy vọng hơn ba, nơi này, nơi khác để kiếm việc làm như trước nữa. Người ta thường vẫn nói : « đói thì đầu gối phải bò », nhưng dân rợi lại đói quá, rợi họ không còn sức bò nữa. Bởi vậy, bao nhiêu dân rợi đói đã xiêu bạt lên rợi rợi du sẽ bị ở vào những tình thế khó rợi về rợi rợi trong mùa làm ăn nay mai.

Nói tóm lại, vì dân chết đói, dân cđm đau ốm, và các sự hạ đi kéo rợi về được đều lợi như xưa, nên các rợi gia rợi rằng họ sẽ không có sản và củ rợi rợi rợi giúp việc rợi rợi.

Sau khi chúng ta đã xét qua về những điều thiếu thốn của rợi rợi dân cđ làm vụ mùa sắp tới : thiếu thức ăn, thiếu rợi giống, thiếu vốn, thiếu trâu bò, thiếu nhân công, thì chúng ta nhận rõ thấy cái nguy cơ rợi rợi rợi dân rợi rợi. Vì sẽ gặp nhiều nỗi khó khăn kia, tất một phần lớn ruộng rợi sẽ bỏ rợi, một phần rợi rợi lúa rợi rợi rợi, nhiều phần lớn, cấy rợi rợi, rợi giống xấu... tất cả những rợi rợi rợi ấy, (chưa kể những rợi rợi rợi rợi rợi rợi rợi gia nào dám mong sẽ có rợi rợi), khiến rợi rợi rợi rợi có thể rợi rợi những rợi rợi rợi.

Vậy mà ngày rợi rợi rợi rợi, dân xứ mình đã thiếu rợi rợi gđ ăn (xem T. N. số 107) và từ 4 năm nay dân mình đã bị đói là rợi, nếu mùa này thu hoạch lại kém dân rợi phải chết, rợi rợi còn nghèo rợi, dân khi rợi sẽ vì rợi mà suy nhược thêm ; công cuộc kiến-thiết quốc gia sẽ vô cùng khó khăn, chậm trễ. Nhưng, trông thấy mọi sự

Thực dân đế truyền bá văn - minh ?

DE HẠ GIA TRINH

ô Người ta thường nói rằng có hai nước Pháp, một nước Pháp đẹp đẽ, tổ quốc của những tư tưởng tự do, giải phóng, dân quyền, và một nước Pháp thực dân, tàn ác và dối trá. Có người bảo : không khi ở Pháp để rõ hơn không khi ở các thuộc địa của Pháp và người nào đã sang Pháp du học, khi về nước nhà thấy tích người Pháp đối đãi với người đồng chủng và với chủng họ nữa, lại càng rõ ràng hơn nữa và phần khích.

Lý thuyết thì đẹp đẽ vô cùng : có những dân tộc, cộng sự khai, số người dân không có tổ chức, trật tự, trong đó thì đa phần không được vận dụng triết lý để cứu cấp hạnh phúc cho nhân loại, và những quyền thiêng liêng cao quý của con người không được bảo vệ và che chở. Những nước văn minh tự do như cộng hòa pháp là giúp đỡ các dân nghèo để tổ chức xã-hội của họ, nâng cao trình độ tri thức và mức sống vật chất của họ, để họ có thể đạt tới văn minh số 1 thế giới xứng đáng.

Theo lý trong ấy thì nước van mình đã anh
sẽ thực hành nhiệm vụ của mình (bác sĩ và
nhiên đạo (tức là ai viết về đạo lý dân tộc các
chấn nhất của nhân minh). Khi nước ấy trị hoặc
dã man đã được giáo hóa trở lại văn minh thì
nước ấy sẽ trở lại Quyển tự do cho dân tộc
đặt dưới quyền bảo hộ của họ (vì lý tưởng bác
ái lẽ là nhiên đạo đối với sự trọng quyền sống
tự do của loài người).

Trước hết ta phải đặt câu hỏi: Nước Việt-Nam thừa người Pháp tới, chính pháp có ở vào tình trạng mới nước đáng báo hộ theo lý tưởng không? Ta giả nhời rằng: không. Những lý thuyết giả và chính sách thực

dân sẵn trông trước mặt họ những dân tộc sơ khai hoặc bán khai ở Phi Châu hoặc Nam Mỹ khi xưa. Trong trường tương eo hẹp của họ chỉ thấy có những lũ mọi đen hoặc mọi đỏ hò hét, trống phách, và giết tróc nhau qua những bãi sa mạc nóng đẫy hoặc những rừng hoang vu gần đường xích đạo. Phi châu cũng lại gần họ hơn, họ thường thăm dò tới, và họ đã đặt bước chân của người đi thực dân lên đó rất sớm. Ở cái lục địa xấu số đó, lý thuyết thực dân đã truyền bá văn minh còn có một vài lý lẽ để đứng vững, mặc dầu bọn thực dân có hành động để mưu cầu tư lợi luôn thể, và mặc dầu người ta vẫn kể lại những hành vi tàn bạo của chúng đối với dân bản xứ (bắt dân da đen khuôn vác lao khổ qua các sa mạc, dưới roi vọt và hành hạ, mua bán người bản xứ như mua bán súc vật.....). Mặc dầu nhà triết lý có thể chất vấn họ : các người nhân danh sự mệnh gì mà nhậm đến quyền sống tự do và tự tổ chức thiêng liêng của Thượng Đế ban cho tất cả mọi người? Nhà tư tưởng Pháp Montesquieu ở thế kỷ thứ 18 đã không áp mở gì mặt vật những hành vi giả trá và vô nhân đạo của bọn thực dân ở châu Phi. Bằng lời văn châm biếm mỉa mai quen lối của ông, ông đã tố cáo lòng vị kỷ độc ác của bọn thực dân Âu châu trong cuốn *De l'esprit des lois* (Tinh lý của pháp luật) trong thiên nói về sự nô lệ của mọi đen (1)

Nhưng nước Việt Nam ta đâu có phải là một dân tộc sơ khai hoặc bán khai giống như các bộ lạc người da đen ở châu Phi? Nước Việt Nam ở vào một khối gồm có những nước đã biết một nền văn minh tối cao trong lịch sử nhân loại. Nước Việt Nam còn một lịch sử, một văn hóa, một tổ chức chính trị và xã hội vững chãi khi người Pháp bước chân tới can thiệp về việc nội trị và dùng võ lực chinh phục. Chính nhiều người Pháp ở Đông Dông trước đây công nhận rằng : những dân tộc ở Đông Dông là những dân tộc có văn minh và đem đặt họ ngang hàng với các dân tộc hậu tiến ở các thuộc địa khác của Pháp thì là một sự hài hước thậm ác. Nhưng

những lý thuyết giả Pháp muốn bành vực chế độ thực dân ở châu Á, lại viện những lẽ khác ra chống đỡ. Người thì bảo : có những đoàn thể quốc gia văn minh, lặn vào cảnh khủng hoảng tạm thời hoặc vĩnh viễn, và sự sinh tồn của những đoàn thể đó bị đe dọa. Lúc ấy một nước hùng cường nhận thấy cần phải can thiệp... Người khác lại bảo : văn minh Tây Phương có giá trị hơn văn minh Đông Phương, bởi nó trọng nhân quyền và tự do hơn, và có đủ lực ban sự an lạc cho dân chúng, vậy người Pháp đi thực dân để thực hành một sứ mệnh giáo hóa văn minh cũng không phải là làm động. Nhưng hai thuyết ấy đều không chịu được một sự kiểm sát sơ sài. Thuyết trên vẫn không giải được câu hỏi nhân danh quyền gì mà nước tự xưng là hùng cường can thiệp vào việc riêng của một nước khác? Sự khủng hoảng của nền văn minh một nước chỉ là một vấn đề tương đối. Lý lẽ này chỉ là một cớ giả trá. Thực ra cường quốc kia chỉ nghĩ đến lợi riêng. Bởi vậy ông Raymond Guillian, nguyên giáo sư Công luật ở trường Đại Học Đông Dông, đã phải nhận viết

(1) Nếu tôi phải chống đỡ quyền của chúng ta được bắt lũ dân da đen làm nô lệ, thì tôi sẽ nói như thế này :

Những dân tộc Án Châu đã giết tróc dân Mỹ châu, họ phải bắt dân Phi Châu làm nô lệ, để dùng chúng khỏa hoang bao nhiêu đất ấy.

Giá đường sẽ đắt quá nếu ta không bắt tội dân nô lệ làm lưng giồng những cây sắn ra nó.

Tội nó dân ấy đen từ chân đến đầu, mũi chúng bẹt đến nỗi không thể sao mà thương chúng được.

Người ta không thể tin được rằng Thượng Đế vốn là một vị tối linh khôn, lại đặt một linh hồn, nhất là một linh hồn tốt, trong một thân thể đen quèn....

Chúng ta không thể cho rằng lũ nô lệ ấy là người được, vì nếu ta cho chúng là người thì ta sẽ bắt đầu tin rằng chính chúng ta cũng không phải là những con đạo Giê Tô nữa.

(De l'esprit des lois - quyển XV - chương 5)

« Lúc ấy, lúc nước kia đang qua cơn khủng hoảng về văn minh, một nước quốc mới thấy sự can thiệp vào việc của nước kia là hợp với quyền lợi của họ, và thì quyền lợi ích kỷ, nếu người ta muốn nói vậy ». (1) Thuyết thứ hai vấp phải một phản kháng không hề cho kẻ thực dân giả nhòì vào đầu được nữa: một lần văn minh cho ép những kẻ nhân danh nó đi trước của dân một nước khác, quyền sống tự do thiêng liêng của họ, thì giống tựa như đã mất vậy. Những hành vi của bọn thực dân từ xưa tới nay đối với người bản xứ vốn vẫn phản bác ái và nhiệm khinh miệt. Lại nói lấy uy vũ hiến cho dân bị đô hộ sự an cư lạc nghiệp, khỏi nạn ngoại xâm hoặc nội biến, thì sao khi họ hết cả uy vũ, chẳng cò trở nổi ai, họ vẫn còn muốn trở lại đô hộ nữa nếu có thể được, để hóa lộn an lạc và thái bình?

Nói tóm lại, thuyết thực dân để thực hành sứ mệnh gieo rắc văn minh thực là guồng gao và gian dối khi nó áp dụng vào châu Á. Cũng như Monroë nói: « không có đất để thực dân ở châu Mỹ », ta cũng thấy rằng cần phải tuyên bố: « không có đất để thực dân ở châu Á ». Đi thực dân chỉ có một biện hộ: sức mạnh của võ lực. Súng ống của người Pháp đã bắt các vua triều Nguyễn ta ký hiệp ước nhượng đất và nhận quyền bảo hộ của nước Pháp. Khi tiếng súng đã yên, những lý thuyết đẹp được phô bày ra để che đậy những kỷ niệm phũ phàng xương tủy máu et này.

Xét qua lịch sử thực dân của các nước Âu Châu thì lúc khởi thủy, thực dân chỉ là hành vi của những kẻ giang hồ, và một sự chiếm nhùng đất hầu như hoang phế để khai khẩn các nguồn lợi. Người Âu trước hết sang thực dân đất Mỹ là nơi dân thưa thớt. Rồi khi họ

quay về phương Đông và phương Nam (những đảo và quần đảo ở Thái Bình Dương, châu Phi) thì họ gặp những dân tộc sơ khai, không có văn minh gì cả. Các giáo sĩ gia tô thường đi trước bọn thực dân. Họ truyền đạo, coi đó là một cử chỉ truyền bá văn minh, vì đạo gia tô là một yếu tố quan trọng trong nền văn minh tinh thần của Âu Châu. Cùng với khi họ khai khẩn các nguồn lợi và bắt dân bản xứ làm việc như tôi tớ, người thực dân cũng có truyền bá chút văn minh của họ, và nhiều phần tử trong dân họ cũng tin rằng họ làm một sự mệnh. Thuyết thực dân của giáo hội do đó đã thành. Nhưng thực ra thì những kẻ đã chịu nhận xông pha vào rừng hoang và lặn lội qua các ngôi có cá sấu, da số là những người có nhiều gan dạ, nhưng cũng không thua kém độc ác. Họ tự cho phép họ làm mọi sự tàn khốc, trong khi ở nước họ, những chính trị gia và văn gia bẻm mép và ngây thơ, chỉ biết hít không khí trời buồng kín thì nhau lời những chữ to lớn, nếu không tuyệt mỹ miều, đều sai với sự thực. Dư luận ở chính nước đi thực dân nhiều khi cũng mù quáng chẳng biết rõ gì cả.

Sau khi nước Việt Nam ta bị chinh phục, những rớt còn lại của thuyết « thực dân để truyền bá văn minh » vẫn lần lần quần hoải trong óc của nhiều người Pháp, thế như ta là một dân tộc đã man không sao tự mình đạt tới văn minh được, phải nhờ họ lấy võ lực nhòì văn minh vào những khối sọ cứng rắn của ta. Về phương diện tôn giáo, không dám phủ nhận giá trị tinh thần của đạo Gia tô tôi chỉ xin đem nhận xét sau này của một người Pháp minh mẫn, ông Jean Escarra đề giả nhòì những ai đã bảo rằng cần thực dân để truyền đạo Gia tô, một biểu hiện cao cấp của văn minh tinh thần lên Âu: « Sự truyền đạo Gia-tô ở Trung Hoa không thể lấy cơ ở một ảnh hưởng khuyến giới ích lợi như đối với một dân tộc sơ khai được. Xã hội Trung Quốc đã hưởng một nền văn minh rất cơ bản bao lâu trước khi các giáo sĩ đặt chân lên

(1) *Au même moment, un Etat puissant est né conforme à ses intérêts, égoïstes si l'on veut, à intervenir dans les affaires de cet Etat* (Bài giảng về Có ng luật Đông dương ở trường Đại Học Hà nội năm 1940)

đất Tàu, và luôn bị không giao rỗi gầy gò, nếu lối cả mọi người đều thực hành nó thì nước Tàu sẽ là một nước thịnh nhơn» (La Chine, passé et présent — Arm. Colin 1937 — trang 150). Tác giả hẳn về Trung quốc, nhưng tư tưởng ấy áp dụng vào xứ Việt Nam cũng rất đúng. Còn nói về các điều kiện sinh hoạt tinh thần khác thì ta chỉ cần giả nhời văn tắt: nước ta có một lịch sử oanh liệt, một nền văn hóa một trật tự xã hội và chính trị đã chịu sự thử thách của bao nhiêu thế kỷ sinh tồn rồi.

Vậy thì ý nghĩa của sự gọi Phi pháp trị xứ này chỉ có thể tìm thấy ở chỗ lực dân chúng, ở lợi lộc. Nếu không có chính sách thực dân của họ kinh hãm đã tiến triển của ta, thì trong 60 năm qua, bao nhiêu các nước tiên tiến bên láng giềng, từ Anh-Nghị với những điều kiện mới của sự sinh hoạt quốc tế, bao nước ta lại không có thể ngày nay đạt tới một địa vị lớn ở cõi Á Đông? Nhưng kẻ tuyên bố ban hành phúc chế và không bán xin, sau mấy chục năm đô hộ đã đi đến kết quả là làm cho dân ta suy nhược, kiệt quệ về tinh thần và thể chất, sống lạc lõng bơ vơ, không lý tưởng, đa số nhu mạt cả ý thức quốc gia. Chế độ thực dân thực rõ là tai hại, số một của nhân loại.

(Còn nữa)

CẢI CHỈNH

Trong số 107 bài, « Nội các đầu tiên. » nêu ra: « Vậy rồi các ở nước ta là một cơ quan chính trị từ xưa đến nay, bao nhiêu quyền hành là ở trong tay Vua... » xin đọc là: « Vậy nội các là một cơ quan chính trị. Ở nước ta, từ xưa đến nay bao nhiêu quyền hành là ở trong tay Vua.

Hai cuộc sách đầu

TRONG BỘ

THÀNH NGHỊ tùng thư

SẼ XUẤT BẢN VÀO ĐẦU NĂM 1945.

1) NHỮNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC Ở CÁC NƯỚC VÀ VẤN ĐỀ CẢI CÁCH GIÁO-DỤC

VŨ ĐÌNH HÒE
TỰ BAN ÁU-TÂY

VŨ VĂN HIỀN

Nhiều bạn gửi tiền đặt trước và các sách trong Thành-Nghị tùng-thư

Xin cảm tạ tấm thịnh tình ấy. Song chúng tôi không dám nhận tiền trước bởi lẽ nhiều sự khó khăn do tình thế hiện thời có thể làm chậm trễ công việc xuất bản và ấn loát.

NHẬT XUẤT

— NHICH BÓN AN —

Nguyên văn của TÀO - NGU

DẠNG THAI MẠI dịch

(Tiếp theo số 103)

(Bỗng đâu chớp chững từ trong buồng ngủ bên phía tay phải một người bước ra, bèn đồ lễ-phục, cõ cõn bùng hân lên, chiếc áo dũ lũng lũng trước. Người ấy bước liếp bước cao, một ống áo còn chưa xỏ vào tay Lộ và Đạt nhìn lại, người ấy vẫn không quay, cứ đứng thững trước cửa, đầu nghênh hân về một bên, má đỏ, tóc rũ xừng, cặp kính trắng gọng vàng treo hân xuống. Người ấy sẽ đương qua mắt nhìn qua phía trên kính, oemấy tiếng như bò bị chọc tiết).

Người vừa ra — (nó nhỏ) Hơ! (Sửa cặp kính).

Lộ — (thốt kinh) Georgy!

Georgy — (về li mặt, sửa tay) Hơ! (đi đến chỗ Đạt, nói nhỏ). Thế nào, trong lòng thế nào? (Chỉ vào Đạt) À! anh vừa nói trong lòng anh thiệt là..., thiệt là thế nào kia? (nhìn vào Lộ) Lộ ơi, ông ấy là ông nào thế này?

Đạt — (Bực bội và lụng về) Ai đấy hở em Trúc Quân? Người nào thế kia?

Georgy — (Như tự hỏi mình) Trúc Quân? Ông nhầm rồi ông ạ: đây là Bạch Lộ đấy chứ! Bạch Lộ, người tình số đề nhất của tôi đấy, người tôi yêu mến hơn ai hết đấy.

Lộ — Thế nào, lại say rồi!

Georgy — (Chỉ vào mình) Tôi say! (lắc đầu) Tôi không say! (chỉ vào Lộ), Lộ say thì có ấy! (lại chỉ vào Đạt) Ông nữa, ông say thì có ấy! Đây kia: ông xem ông mà xem: ông xem cái con mắt ông trông trông ra thế kia kia, say rồi

thì đi rồi! Bah! (đưa lên tay lấy một vớng rồi lại oe) Tôi... ôi nghe khó chịu quá

Lộ — À! đến đây làm gì kia?

Đạt — Ừ! Để làm gì? (Nhìn chằm chằm vào mặt Georgy)

Georgy — Chao tôi một quả, phải đi ngủ đây.. mà các ngài nữa, các ngài cũng đến đây làm gì kia?

Lộ — Ừ! nhà người ta thì người ta về nhà chứ!

Georgy — Nhà nhà Lộ ở đây đây à?

Lộ — Vừa rồi anh ở trong phòng ngủ của tôi bỏ ra, là gia làm sao?

Georgy — Làm sao kia? Vừa rồi tôi ở trong phòng ngủ nhà Lộ đi ra đây à? Nói nhầm.. ôi, nhầm vào... Đau, đau! Không phải! (Sờ tay lên trán) À mà Lộ đề tôi nhớ lại xem đã vào... (Ánh lên giới mơ màng).

Lộ — Lại còn nhớ lại nữa!

Georgy — Khoan, khoan... an đã nào. Làm gì mà nháng lên thế? Để tôi thử thả nghĩ lại xem đã nào (mơ màng ra về nghĩ, mới lẩm bầm).. Thế là tôi rờng, tôi uống nã, uống hoài, rồi rờng, uống rồi lại rờng, rờng nã rờng hoài, rồi... rồi sao rồi nã?... À phải rồi, rồi tôi bước vào buồng thàng diện ấy mà... (ngón tay giữa gõ vào trán.) Rồi tôi lên đây, à chưa, chưa, tôi lên quá nã trên kia kia, rồi tôi mới cởi áo quần và mò xuống đây, vào trong giường, nằm sắp, sắp nã, ngủ... rồi tôi lại lên ọc, nòn ọc... (Quay lưng về) phải rồi, thế đấy.. mà thiệt tình tôi vẫn ở trong phòng ngủ của Lộ ra đây rồi!

Lộ — Nay anh Georgy, làm nay anh phát điên hẳn?

Georgy. — (Mấy ngón tay đề lên môi, như các ngôi sao Hollywood) À tôi nói với Lỗ. Lỗ yên tâm. Tôi không điên đâu! Lác đầu tôi ngủ ngay trên giường ấy, nhưng hình như vì tôi uống nhiều quá Lỗ à... bậy quá, tôi lại buồn nôn. À! Pardon me, Mademoiselle. Tệ quá cô tha lỗi nhé. (Quay mình lại phía Đạt. A xin lỗi ngài nữa Pardon Monsieur bước chập chòn mấy bước, đưa tay theo dáng điệu các kếp hát vậy mấy lần, rồi cứ khom hẳn lưng xuống) Thôi xin chào hai ngài. Good night! Good night! My lady and gentleman oh! Good night, au revoir Madame et Monsieur. I shall. I shall (cố lên một tiếng, và xem chừng nhìn không được, lại đưa tay vùng miệng, chạy ra ngoài cửa, cửa đóng lại, vẫn nghe tiếng nòn và một lần sau hình như có người đến đi, Georgy vừa đi còn vừa lẩy bẩy nói thoàng miệng).

(Lỗ nhìn Đạt, có vẻ lấy làm tệ, ngồi xuống).

Đạt. — Chẳng nào mà ốm thế?

Lỗ. — (Thở ra một hơi) Con giống cháu giống của thành phố đấy, Đạt có buồn cười không?

Đạt. — Buồn cười thế nào? Nó chẳng khác gì ác-tăng! Thiệt, Đạt không hiểu sao mà Lỗ lại đi lại được với hàng người ấy. Nó là ai kia chứ? Sao Lỗ với nó lại thân mật đến thế được?

Lỗ. — (Rút diều thuốc hút) Đạt muốn biết cho rõ à? Nó là nhân vật thượng lưu ở vùng này kia đấy. Nó đã đi tây về, nó bảo nó đã dạo mây cái bằng cấp những bác sĩ, thạc sĩ gì gì ấy... Tên tây nó là George. Người tây gọi nó là George Tchang, người lâu gọi nó là Trương George. Từ lúc du học về, nghe dân nó đã vậy lần làm những bộ trốn, bộ trình gì gì ấy... Hiện giờ trong ví nó còn một ít tiền.

Đạt. — (Đi lại gần Lỗ) Những Lỗ đi làm quen với thứ ấy làm gì, Lỗ không thấy nó chỉ là đồ bỏ đi và ghê tởm hay sao?

Lỗ. — (Cạt tàn thuốc) Thì em chả vừa nói với anh là gì? Vì nó có ít tiền mà ỉ.

Đạt. — Thế ra có tiền thì Lỗ...

Lỗ. — Có tiền thì tự nhiên quen em chứ sao? Trước kia lúc em còn làm cho tiệm nhảy ấy mà, nó đã đeo đẳng cùng em mấy lâu.

Đạt. — Thảo nào, thảo nào mà đối với Lỗ nó dám làm như vậy.

Lỗ. — Anh đến nhà quê! Cái gì cũng quan tâm tri ý... anh hằng ở đây vài ngày, là anh sẽ biết sống là thế nào. Người đời ai ai cũng thế cả thì hơi dẫu mà anh đi bực bội làm gì... Nhưng thôi vậy: được rồi, bây giờ không có ai, thôi, hồi này anh định nói cùng em chuyện gì, cứ nói đi vậy.

Đạt. — (nghĩ ngợi) À nhỉ... Vừa rồi anh nói cùng em chuyện gì nhỉ?

Lỗ. — Trí nhớ của anh độ này kém hẳn hồi trước... Anh vừa nói những trong lòng thế nào ấy thì vừa cái lão Trương George ra ngay chứ gì.

Đạt. — (nghĩ ngợi rồi thở dài) Phải rồi: « chuyện trong lòng » « chuyện trong lòng » tôi vẫn thế, vẫn là người luôn luôn sống với những câu chuyện trong lòng. Nhưng em à, Trúc Quân à, anh thấy em là người thế kia thì quyết là em không bao giờ hiểu cho lòng anh lâu nay đã... (kẹt một cái, cựa lại mở hé ra...) chắc cái ông Trương George ấy lại đến nữa chứ gì!

(Bác hầu trà khách san đi vào với bộ mặt hình hơi gian xảo).

Phúc. — Bẩm không phải ông Trương Georges đâu cháu đấy mà (cười hơi hờ) Thưa cô, cô vừa về xong?

Lỗ. — Việc gì kia?

Phúc. — Thưa, vừa rồi hẳn cô đã thấy ông Trương George?

Lỗ. — Ừ, mà thế nào kia?

Phúc. — Thưa, cháu đã đưa ông ấy vào một phòng bên kia nằm nghỉ rồi.

Lỗ. — Ừ, thì ông ấy muốn vào đâu thì vào. Cần gì mà bác phải nói lại cùng tôi?

Phúc. — Vâng ạ, nhưng ông George còn bảo rằng ông ấy xin lỗi cô: ông ấy uống say rồi vào trong phòng cô nên ợ ra một giởng...

Lỗ. — Thế nào? Nón ra cả giường tôi rồi à?

Phúc.— Vâng đây ạ. Nhưng cô để cháu vào quét dọn đi vậy. (Lộ đứng bật dậy, Phúc đưa tay ngăn cản) xin cô hãy khoan vào, trong ấy còn tuổi toái lắm.

Lộ.— Rõ thứ người... Có lẽ... mà thôi cũng được bác đi vào xếp dọn hộ vậy

Phúc.— Vâng ạ (bước chân đi lại quay lại ngay) Á! Thưa cô, lúc cô đi vắng có bao nhiêu là khách đến đây kìa ạ: cụ Năm Lý này, rồi đến cụ Bộ trưởng, rồi đến cụ Lưu này, còn cụ quản lý ngân hàng đã vào đây ba lần thông, lại còn bà Bát Qố cũng đánh telephone mời cô ngày mai... à! là hôm nay đấy ạ, đến dùng nhà chơi.

Lộ.— Tôi biết rồi. Lúc nữa bác cứ đánh telephone mời bà ấy trưa nay lại chơi đã nhé.

Phúc.— Lại có cụ Tư Hồ cũng bảo chiều nữa sẽ tới thăm đấy ạ.

Lộ.— Ừ, thì cụ ấy cứ việc tới ở đây, ai cấm ai!

Phúc.— Lại còn ông chủ nhiệm tòa báo...

Lộ.— Tôi hiểu rồi. Cũng cứ báo trong ấy là nếu rảnh thì mời lại chơi.

Phúc.— À, phải rồi. Cụ quản lý ngân hàng hồi tối, đến tìm cô ba lần thông, rồi cụ có...

Lộ.— Hiểu rồi, hiểu rồi mà. Bác vừa nói xong

Phúc.— A...a... Thế thưa cô, còn quý ngài đây. (chỉ Đạt) hôm nay chắc là sẽ...

Lộ.— Quý đó không cần. Ông này là anh họ tôi.

Đạt.— (quá ngạc nhiên) Anh họ?

Lộ.— (bảo Phúc) Chốc nữa ông ấy sẽ nghỉ ngay ở đây...

Đạt.— Không, Trúc Quân ạ, tôi không ngồi lại đâu, tôi sẽ phải đi ngay bây giờ.

Lộ.— Thế cũng được (về không bằng lòng) tùy anh vậy. (bảo Phúc) Bây giờ không cần bác ở đây nữa, bác đi vào vậy, mà trước hết này xếp dọn cái giường cho sạch sẽ đi hộ tôi đi nhé.

Phúc đi vào phía buồng ngủ)

Đạt.— Trúc Quân này, sao mà ngày nay em đã đổi khác hẳn đến thế....

Lộ.— Đồi dào thế nào kia?

Đạt.— À... nghĩa là sao mà em có nhiều người quen sử dụng thế... à... tôi hỏi là tôi hỏi rằng: độ này sao mà thông suốt đến thế về phong lưu như này vậy chứ?

Lộ.— Thế ngày xưa đi tới đâu khổ sở lắm hả anh?

Đạt.— A...a... không không phải thế, tôi nói thế đâu mà!... tôi nói, nghĩa là tôi nói rằng ngày nay, em đi bộ dài các đường ngày trước nhiều ấy chứ....

Lộ.— Thì ngày xưa em cũng kiếm gì mà là tôi hiểu rồi, này: anh Đạt, anh đừng đưa những câu khó nghe ấy mà nói cũng tôi. Tôi biết rồi trong thâm tâm anh, anh đã bảo rằng ngày nay tôi có vẻ tự do tự tại quá chứ gì! Anh đã nghĩ rằng, bây giờ tôi là một người "dần" bà hồi sức phồn thịnh chứ gì!

Đạt.— Tôi... tôi... à... à... lẽ tự nhiên là... là... là...

Lộ.— Anh nói thật đi bác phải không đã?

Đạt.— (còn nữa) A...a... thì cũng bỏ thế thiết. Lộ độ này khác trước nhiều. Cơ hồ tôi không nhận ra người ngày trước nữa. Từ hồi đi tiếng nói, chỗ đến cứ chỉ, bộ điệu của Lộ, đều khác hẳn ngày trước. Tôi đã tham chú chú Lộ đăng tiệm thấy suốt một đêm ròng. Tôi thấy rằng Lộ đã đổi hẳn rồi, Lộ không phải là cô con gái ngày thơ ấu những thiên chân ngày trước nữa. Lộ ngày nay thiệt đã làm cho tôi thất vọng nhiều.

Lộ.— (kín ra vẻ lạ lùng) Thất vọng kia?

Đạt.— (đau đớn) Ừ, thất vọng, thất vọng nhiều. Nào tôi có bao giờ ngờ rằng đi đến đây gặp Lộ mà lại thấy Lộ đã thành ra một người phóng túng đến thế này.

Lộ.— Anh lại muốn lấy luận lý cho tôi đây phải không? Anh phải hiểu tôi không thích nghe dạy luận lý bao giờ.

Đạt.— Không phải là tôi dạy luận lý cho Lộ. Nhưng thiệt nhìn thấy dáng điệu của Lộ độ này tôi không tài nào chịu được. Xưa cách nào mà nghìn dặm đường tôi đã nghe người ta bảo rằng Lộ thế này, Lộ thế kia, tôi không dám tin. Tôi không ngờ rằng một người tôi đã yêu chuộng

họ ai biết mà ngày nay bị thiên hạ bình phẩm một cách tàn nhẫn đến thế. Lên đây thăm Lộ, tôi thấy chỗ Lộ ẩn ở là một cái phòng như thế này tôi thấy Lộ một mình ở trong khách sạn, đi lại với một túi bạn bè thật là năm cha ba mẹ; tôi thấy bao nhiêu cử chỉ của Lộ thật là chẳng khác gì phường truy lạc, phóng đảng... thế thì Lộ bảo tôi nói năng thế nào?

Lộ. — (đứng vụt dậy) Sao đứng trước mặt tôi mà anh dám bảo tôi là truy lạc, sao anh dám bảo là anh thất vọng với tôi trong gian phòng tôi đây? Tôi hỏi anh đã: tôi cùng anh có can hệ gì mà anh dám lên mặt răn đe tôi?

Đạt. — Tôi... lẽ tự-nhiên là hiện giờ đây tôi cùng Lộ có can hệ gì đâu.

Lộ. — Dễ chừng xưa kia chúng mình có can hệ gì hẳn?

Đạt. — Ấy,.... ấỵ,.... cố nhiên là cũng không có thể bảo rằng có được (cúi đầu) Chẳng qua tôi nghĩ rằng hẳn là Lộ cũng còn nhớ rằng xưa kia đã có lúc Lộ yêu đến tôi. Và chắc rằng Lộ cũng biết rằng lần này tôi đến đây làm gì.

Lộ. — Anh đến làm gì, tôi biết thế nào được mà biết!

Đạt. — (khẩn khoản) Tôi không thích Lộ cứ vờ cùng tôi như vậy. Hẳn cũng biết rằng đến đây là tôi muốn Lộ cùng về với tôi chứ.

Lộ. — (Trùng mắt) Cùng về... về đâu mới được? Anh cũng thừa biết là hiện giờ ở nhà tôi không còn một người nào nữa.

Đạt. — Không phải, không phải; tôi nói là tôi nói rằng Lộ sẽ về cùng tôi ấy. Tôi muốn Lộ sẽ cùng tôi kết hôn ấy chứ.

Lộ. — A ra hai hôm nay anh tìm tôi là cốt để làm mới, cốt để gả chồng cho tôi kia đấy... Vâng!

Đạt. — Không phải làm mới mà là kết hôn cùng nhau ấy, nghĩa là tôi muốn nói rằng: tôi sẽ là chồng Lộ và Lộ sẽ là... của tôi ấy chứ..

Lộ. — Vâng, Vâng, tôi hiểu, tôi hiểu rồi, anh không cần thích nghĩa làm gì. Hai tiếng « gả chồng » này, ơn trời phật, bọn đàn bà chúng tôi may cũng còn hiểu nghĩa nó là gì... Nhưng nay, anh bạn cũ của tôi ơi, anh vội về thôi kìa ư?

Đạt. — (Đưa ra hai cái vé tên) Và tạm tôi đi

mua đây rồi. Nếu có thể thì, sáng mai chúng mình sẽ đi ngay chuyến xe mười giờ sáng.

Lộ. — Nào, em xem nào. (Giật lấy hai tấm vé đầu) Ủa nỉ, anh tôi đã mua hai vé đây, một vé khứ hồi, một vé đi một lần... A! này có cả vé « conchette » nữa kìa (cười). Taiệt anh của em chu đáo quá.

Đạt. — (Nói nhanh) Thế là Lộ nhận lời cho tôi rồi, không cần nói thêm gì nữa (cầm mũ).

Lộ. — Ấy, khoan hãy, em còn có câu này muốn hỏi anh nữa kìa.

Đạt. — Lộ định hỏi gì nữa kìa?

Lộ. — (vẻ cao đạo) Anh hiện giờ có được bao nhiêu tiền?

Đạt. — Tôi không hiểu là Lộ muốn nói gì

Lộ. — Không hiểu kìa à? Tôi hỏi anh có thể nuôi tôi sống được không đã. Này: anh đừng trông vào mặt anh mà nhìn tôi như vậy. Anh lại bảo là tôi không nên ngồi đến sự yả thứ gì? Nhưng tôi tôi cần có người nuôi tôi sống, anh có hiểu không? Tôi cần sống phong lưu, anh có hiểu không? Đi ra cửa tôi cần có ô-tô, tiếp bạn tôi cần có quần áo đẹp, tôi cần chơi bời, cần nhẩy đầm, lẽ nào anh không hiểu.

Đạt. — Này trưc. Quân, để tôi nói cho mà nghe: tôi thấy rằng ngày nay cô quên cả cô là người thế nào rồi.

Lộ. — Ấ, anh hỏi tôi là người thế nào? Anh nghe nhá; tôi là người họ Trần, giòng dõi nhà nho, tôi đã ở trường Ái Hoa nữ học hiệu ra có một hồi tôi đã là một ngôi sao sáng trong xã-hội, tôi đã làm chánh ủy viên mấy hội từ thiện... Xuất thân và lai lịch của tôi là thế đấy... Ba tôi mất, cửa nhà sa sút, tôi đi đóng đờ « Cinéma » rồi đóng đờ nhẩy... Thân thế đẹp đẻ như vậy để anh tưởng tôi lại không biết tôi là người thế nào ư?

Đạt. — Ngó bộ Lộ tự phụ lắm nhỉ

Lộ. — Sao lại không tự phụ mới được chứ? Từ lúc tôi bỏ nhà cửa, làng nước ra đi một mình là tôi có cần ai giúp đỡ tôi đâu. Tôi đi được là tôi đi, nếu không được là tôi chết. Bây giờ đây anh cũng thấy rằng tôi sống được một cách phong lưu tự tại, thì sao tôi sống không tự phụ chứ!

(Còn nữa)

Đặng Thái Hải dịch

Những nỗi khổ khăn của nông dân để làm vụ mùa sắp tới

(Tiếp theo trang 10)

khó chẳng phải nên vì đói mà thất-vọng, mà ngại mất tinh thần hăng-hái và quả-quyết. Sự trông nhận rõ thấy những nỗi khổ khăn ấy giúp cho ta sự lo liệu, sửa soạn và đề-phòng để vượt qua những thử-lực mà dân-chúng sẽ gặp.

Trước tình hình nguy khốn của toàn thể nông-dân, mà cũng tức là của toàn-thể quốc-dân, chúng ta đều nhận thấy

1.) Việc tiếp-tế gạo Nam-ra ra tới cần đã bao nhiêu lâu nay người ta loay hoay, mưu tính lấy gạo Bắc-lý để cứu dân Bắc-lý đang xong. Bán vẫn đắt, đói như xưa, giá gạo vẫn cao lên như nước chiều. Một hệ-thống cũ kỹ-quê phải cần nhiều tiền thuốc để mới lãi sớt. Thóc vụ chiêm sắp gặt chỉ mới là một liên thóc nhai. Để phòng-xa điều thuốc ấy chưa đủ cứu giúp ta cần phải có sản liệu khác. Vậy chỉ có nhiều gạo, thóc ở Nam ra thì dân Bắc mới đủ gạo ăn mà sống, đủ gạo ăn mà cấy, bừa, cấy gặt. Có đủ gạo ăn thì thóc giống ở các kho, ruộng nhà giàu ở các điền-điền, các ấp mới dễ thừa ra kịp cho nông-dân nghèo dùng. Gạo đã có đủ, giá gạo sẽ rẻ; giá mọi thức hàng hóa sẽ hạ, giá đất ruộng bớt tăng, giá nông-cụ bớt đắt, thì tiền vốn nông-dân phải bỏ ra đỡ nặng. Hơn nữa, vì gạo ăn đã đủ, giá gạo đã hạ, sự sinh-sống của bọn lưu dân đi làm thuê sẽ dễ dàng hơn. Nhờ đó, kẻ xiêu bạt sẽ có hi-vọng trở về; sự luân chuyển nhân công từ nơi ít việc đến nơi nhiều việc sẽ đều hòa được đôi chút.

2.) Để giải-quyết sự thiếu thốn, bỏ những đạo nghị định cấm tự-do vận-tải sức lực trong 5 xứ nên tạm thời được sửa đổi tại địa-nông-dân Bắc-lý có đủ trâu, bò dùng, vì Trung-lý, (Thanh-hóa, Vinh, Phú-Yên), Ai-lao và Cao-miên vẫn có nhiều trâu, bò hơn xứ Bắc

3.) Không có hội nào tăng hội này, các nông-phổ ngấm-hàng nông-phổ hợp tác mà

cũng các nông-hội như tổ-chức hội và thành lập mau, để sự ích-lợi của các hội, các ngân-hàng và hợp-tác-xã sẽ được phổ cập đến khắp cả khối dân nghèo, chứ không còn là những cơ-quan làm lợi riêng cho những nhà tư-bản, những đại-diễn-chủ và những viên-chức cầm đầu mọi cơ-quan ấy. Từ trước đến nay, tiền của Nông-phổ Ngân-hàng chỉ lợi cho những nhà doanh-nghiệp có quyền-thế, cho những tay chức-dịch cường hào các vùng thôn quê vì bọn này vay tiền rẻ lãi (8% đến 15%) để về cho tay nặng lãi (60% đến 120%); từ trước đến nay chính sách ở các hợp tác xã chỉ để cho những viên Giám-đốc người Pháp, thường là những con buôn thất-cơ, lơ-vận mà chính Phủ họ mưu-giúp làm phúc cho đến coi các Hợp tác xã, — lợi dụng để ăn cắp của mồ hôi nước mắt của dân đen mà làm giàu. Tôi đã được biết một viên giám-đốc Hợp-tác-xã cả phố khi mới đến nhận chức thì áo nâu, dây ratchet, mà 6 tháng sau đã xe-hơi Ford sắm riêng, chạy bụi-tung khắp các ngã đường ngang dọc.

4.) Chính-tể cần nên đứng ra lo việc tiếp-tế sơn, tiếp-tế nông-mực, thuốc giống, nông-cụ. Khôn kham cho nông-dân, cũng như các công-chức và nhân-dân thành-phố vẫn được tiếp-tế một cách đặc-biệt từ trước đến nay: gạo, vải, dầu, đường, diêm, muối....

Clinh-phủ-Pháp trước kia sở dĩ chăm lo việc tiếp-cứu cho các công-chức và dân-gian thành thị, chẳng phải vì họ thực-lòng lo cứu một thiểu-số dân mình, mà chính vì họ có nhiều dụng-tâm tàn ác ở trong.

2.) Họ sợ có lo việc tiếp-tế dễ vỡ vét cho đầy túi, vì từ ngày chính-quốc họ bị mất, họ biết trước địa vị họ không còn được trường-cử ở trên bàn đàm-rằng. Họ bóc lột dân chúng Việt-Nam khiến cả một dân-tộc phải chìm đắm trong sự sinh-sống vật-vật, kém hơn không mong gì cải thiện, ngẩng cổ lên được.

3) Đa số dân chúng An-nam, mảnh đất đẹp
ra lung lặn, hết thấy công-chức, (tức là 99%
người có học), và dân các thành phố là những
người ở gần họ, có thể to tiếng mẽ-nheo, chửi
vần họ, cho hết thấy đều phải tự mình bồi-lặng
tiếng, để chôn vùi, dấn dúi tất cả tinh-thần yêu
nước, yêu nòi. Còn bọn dân quê ngụ dãi, ở xa họ,
và bé miệng, ngân còi, có kêu gào họ cũng không
nghe tiếng, nên người Pháp không cần đếm xỉa
lời, họ ra công tìm, mọi mưu kế để bóp nặn lễ
lễ-gần, rồi để tự cung-phụng thân họ và bị miệt
mọt bởi nòi dân Việt-Nam, là những người được
liệt vào hàng sĩ-phu. Từ 30 về trước, viên Toàn
Quyển Sarraut cũng đã nhìn rõ thấy nhược điểm
ấy của dân, nên nên đã to tiếng mách bảo bọn
thực-dân đồng bào họ rằng: "ta muốn cai trị dân
An-nam, chỉ cần tìm hiểu lung-lặn bọn sĩ-phu, còn
bọn nông, công, thương, vô học sẽ phải nghèo
theo hết."

Chúng ta nên công-nhận rằng? hiện tại đã
chứng thực biết bao nhiêu lần dân quê phải trả
tuy hy-sinh cho quốc gia. Trên mỗi trang pien-tô
cuốn sử ký Việt-Nam, trong hồi Hán-thuộc, Minh-
thuộc... ta lại thấy chép những sự hy-sinh của dân
quê Việt-Nam vì nòi, nước. Trên mỗi trang lục
rở bộ Quốc-sử, trong những hồi hy-sinh, cơ độc
hợp được bày tung tước giết, ta lại thấy biên
những sự hy-sinh của dân quê Việt-Nam vì sự
tồn tại của nòi sống, nòi tộc. Trái bên nửa
thế kỷ Pháp-thuộc, nhất là từ 4 năm gần đây,
dân-quê đã quá bị hy-sinh, bị bóc lột. Bọn gào họ
năm năm mươi sương mới kiếm được, sắp để
kể niết-giã lại phải làm bưng nhứt đôi đêm
đang kể khác Lụa, vải, họ cật được nà vợ con
họ vẫn mình trần chịu rét. Dầu muối, họ làm
được mà ngày ngày họ búp cháo cám nạt, và
đêm đêm, họ sống tối tăm trong những túp lều
không có một tia sáng. Có lẽ trải qua các giai-
đoạn trong lịch-sử, chưa hề có nỗi khổ dân bị hy-
sinh bằng hồi này.

Vậy là đây, sau những ngày mà những viên
đại diện liên lạc lấy tên độc-lập đã được đặt
sống châu mới, dân quê Việt-Nam không thể
không được cảm thấy ra khỏi vòng bế tắc tối cực

điểm ấy nữa; họ cần được tiếp-cứu trong sự
sinh-sống hàng ngày và trong mọi việc nông-
tang của họ.

Đã đành rằng trước kia, chúng ta cũng thấy
người Pháp có tổ-chức việc cấp giấy bán chịu
cốt-phát cho nông-dân, do Nông Phố Ngẫu Quỹ
xuất tiền ra mua, của công ty cốt-phát, (khoảng
năm 1942-1943), việc phát hoặc bán thóc giống
tốt cho dân quê, do Túc-nễ cục đã chọn giống
việc nông dân nuôi trâu, bò, cây của Nhà Nước
giáo cho (năm 1942, suốt một huyện thuộc Hưng
Yên, Liễu tri nhớ tôi không nhầm thì có được 4
hay 5 con trâu cho nuôi như vậy); việc để một
đại lý hàng sắt bán những nông cụ cho dân, theo
một giá cả của Ủy-tại-gi Tỉnh đã đặt trước
(Thái Nguyên năm 1944, một lô đồ dùng giá
52\$00) gồm có một bữa, 1 cuốc, 1 liềm, 1 lưỡi
nội-sông...) Nhưng mọi việc của người Pháp đã
làm ấy, trừ sự phát và bán thóc giống của Túc
Nễ Cục là có vẻ thiệt thực, song lại ở trong một
phạm vi rất hẹp, — còn đều chỉ là những việc
dân, bởi bởi thì chỉ như kiểu dờ chiếc bánh ngon
để dư dĩa, tro hầu dãi.

Thiệt tướng, bây giờ chính là lúc chúng ta cần
tổ chức, chắc chắn, lại mọi công việc đó cho
nông dân được nhờ và để cứu vãn lấy tình hình
sinh hoạt của toàn thể quốc dân.

Vụ chiến này đã sắp gần. Dân quê mong sao
việc tị-an, tuần-phòng loạn-bạo để cho họ có
cây thì có gặt. Họ lại mong chính sách thu-thóc
sẽ không phải đem thi hành nữa hoặc thi hành
một cách nhân-đạo hơn, để cho họ có gặt thì có
được thóc xay ăn. Nhưng họ còn sắp phải bắt tay
vào làm vụ mùa. Vì những điều khó khăn, kể
trên, nên họ không được cứu giúp thì ruộng
nuống bỏ cỏ mùa màng, sút kém. Muôn dân sẽ
chết đói còn nhiều. Nếu trăm họ mà còn chết đói
thì cuộc cải tạo và kiến thiết quốc gia Việt-Nam
của Chính-Phủ Việt-Nam độc-lập sẽ vì ai và bằng
lực-lượng nào?

Nếu không phải là vì quyền lợi dân-quê, và
bằng lực-lượng của dân-chúng, khẩu hiên của
hồi-Tân-Việt-Nam

Nghiêm xuân Xém

MỘT TÂM HỒN NGHỆ SĨ

(NGUYỄN VĂN CUA SOMERSET MAUGHAM)

LÊ ĐÌNH CHÂN dịch

Tiếp theo

Một nụ cười vui vẻ nở trên môi hắn lúc đầu.

— Tôi tưởng rằng thỉnh thoảng ông cũng phải nghĩ đến quá khứ? Không kể gì bây, tám năm về trước. Nhưng những kỷ-trí xa vắng hơn... Lần đầu tiên ông gặp vợ ông... Khi yêu nhau, rồi lấy nhau... Ông còn phớt đến khi hạnh phúc tràn ngập trong lòng ông ôm bà ấy lần đầu tiên?

— Tôi không nghĩ đến quá khứ. Chỉ có một sự đáng đề ý; Là cảnh hiện tại vĩnh-viễn.

Câu giả nhời đó làm tôi phải ngẫm nghĩ. Tuy khó hiểu nhưng tôi cũng không đoán được ý hắn nghĩ gì.

— Ông có sung sướng không? Tôi hỏi.

— Có.

Tôi im lặng nhìn hắn. Hắn cũng nhìn lại tôi không chớp mắt... Và một phút sau, mắt hắn long lanh với một vẻ chế giễu.

— Như ông có ý trách gì tôi?

— Sao ông lại vô lý thế! Tôi nói. Tôi có trách được con rắn hổ mang đâu! Nhưng trái lại tôi muốn biết nó nghĩ gì.

— Thì ra ông chỉ muốn quan sát tôi về phương diện nghệ thuật!

— Chính thế.

— Ông có biết rằng tình ông cũng chẳng có gì đáng yêu lắm không? Có lẽ vì thế chó nên đối với tôi ông mới nhân nhượng như vậy.

Có lẽ cũng chỉ tại thế mà ông không phải khó chịu khi nói chuyện với tôi.

Hắn cười gằn nhưng không nói gì. Tôi làm sao cho được cái cười của Strickland! Một rất cười chẳng có gì là đáng yêu cho lắm nhưng làm cho mặt thương cau-cố của hắn sáng lên... một nụ cười ranh mãnh nhưng không có gì là ác nghiệt... một nụ cười chậm chạp ở mắt đưa ra

và cũng biến đi ở trong một nụ cười thật là đa tình làm cho ta nhớ đến cái vui vẻ sắc vật của một con quỷ dâm dục.

Nụ cười đó làm cho tôi hỏi câu này:

— Từ khi đến Ba-lê ông đã yêu ai chưa?

— Thì giờ đâu, mà nghĩ đến những chuyện vô lý ấy!

— Đời người ngắn quá kuông đủ cho người ta vừa nghĩ đến nghệ thuật vừa nghĩ đến ái tình.

— Nhưng xem ra ông chẳng phải là có bề ngoài của một nhà tu hành.

— Những chuyện tình làm cho tôi phát nôn.

— Người đời kẻ cũng khó chịu, chỉ hay buồn mề, có phải không?

— Sao ông lại nói thế?

— Tại tôi không tin ông chứ sao?

— Ông thật là đồ ngốc!

Tôi ngừng và tò mò nhìn hắn.

— Sao ông lại cứ cố dẫu tôi? — Tôi nói.

— Tôi không hiểu.

Tôi mỉm cười.

— Để tôi nói cho ông nghe. Đây này trong hàng mấy tháng ông không hề ngủ đêm. Chuyện ấy, và ông cho rằng thật là xong. Ông hoàn toàn sung sướng với tự do: ông có cảm tưởng rằng ông làm chủ quốc linh Lôn-đôn. Nói là ông ngàng ngàng đi, chạm chán với các sao trên trời không phải là ngoa. Nhưng rồi bất thình lình một hôm ông như rằng chán ông vùn lồm bồm trong bụi. Và ông muốn giải mình vào từng bùn như một con lợn. Lúc ấy một người đàn bà lồm, biền biền hai mắt cao mọi sự ghê tởm của phái yêu, lướt qua trước mặt ông, ông lẫn xả vào người ta như một con thú dữ. Rồi ông sục vào mà uống cho đến khi say như chết.

Hắn nhìn tôi như tôi, người không như người.
Mặt tôi cũng không đời hân. Tôi chậm chạp nói:

— Là nhất là một khi đã lãnh đây ông như
thoát tục, hoàn toàn trong sạch... Nhẹ nhàng như
một tâm hồn được đời khỏi xác thịt nặng nề. Ông
có cảm tưởng giờ tay nắm được vẻ đẹp như một
sự gì có thể sờ mó được, ông như đang chuag
sống một đời mặt thiết với gió mây, với màu xanh
của cây đang nở, với đóa hoa đổi màu dưới ánh
sáng mặt trời... Ông có cảm tưởng mình là
một vị thần... Ông có thể giảng giải sự đó cho
tôi không?

Hắn nhìn tôi cho đến khi tôi nói xong. Đoạn
hắn quay mặt đi... Mặt hắn có một vẻ lạ... Và
tôi nghĩ rằng một người đa g quàn quại với cực
hình có thể cũng có một vẻ mặt như thế. Hắn im
lặng không nói gì. — Tôi biết rằng câu chuyện
của chúng tôi đã tàn. —

XXI

Tôi đóng cửa ở Ba-lê và bắt đầu viết một vở
kịch. Tôi sống một đời rất thư tự. Buổi sáng tôi
làm việc, và cơm trưa xong, tôi đi dạo chơi ở
công viên Luxembourg hay ở ngoài phố. Tôi
thường quên thời giờ trong viện Le Louvre một
viện bảo tàng rất đáng yêu và rất tiện cho sự
suy nghĩ. Tôi lớn lên ở bờ sông Seine dờ xem
những quyển sách cũ mà tôi không bao giờ định
mua. Tình thoảng tôi đọc một trang ở quyển
này hay quyển khác... thành ra tôi được biết
thêm nhiều nhà văn... mà tôi chỉ thích đọc một
cách bất ngờ và không đầu không đuôi như thế.
Chiều đến tôi đi thăm các bạn. Tôi thường lại
chơi với vợ chồng Stroeve, và thỉnh thoảng cùng
ngồi chia bữa cơm chiều sang của họ.

Dirk Stroeve biết làm một món ăn lối Ý, và
tôi xin thú thực rằng món spaghetti của hắn
làm thực còn thú vị hơn tranh hắn nhiều... thật
là 1 bữa tiệc nhà vua khi hắn hoan hỉ bê ra 1
đĩa mì lớn đồ chơi với cà chua! Chúng tôi hàng
bái tán công... 1 chai rượu vang đỏ làm cho bữa
tiệc thêm thịnh soạn. Dần dần tôi quen thân
với Blanche Stroeve. Nàng ít khi được gặp người
đồng hàng cho nên mỗi lần tôi đến nàng liền

nổi cười chuyện với tôi. Blanche là một người đàn
bà giản dị ít nói. Tôi không hiểu vì lẽ gì, trông
nàng người ta có cảm tưởng là nàng có ý đến
một sự gì? hay là nàng ít nói cũng chỉ vì ông
chồng hay nói quạ? Mà Stroeve thì không còn dấu
ai được cái gì. Hắn bô bô nói cho mình nghe
những câu chuyện tâm sự nhất... làm cho vợ lâm
lúc cũng phải ngưng thay. Có một lần tôi thấy
Blanche khóc nhèu lắm. Dirk phải uống thuốc tây
Hắn cố nói cho tôi nghe câu chuyện uống thuốc
và giấy cà ra giấy thuốc, hắn bắt đầu nói đến
những sự rất là thô bỉ và bẩn thỉu. Nhưng buồn
cười nhất là vẻ mặt nghiêm nghị trong khi hắn
nói đến những sự thô bỉ ấy — như thể lại càng
lâm cho vợ ngồi cạnh khó chịu và tức bực — Hình
như mình cố làm trò cười — Blanche giận nói
Đời con mắt tròn của hắn lại tròn hơn lên và khi
hắn biết là vợ giận thì trấn hắn nhấn lại với một
vẻ sợ hãi lo ngại;

— Chết! tôi đã làm phật ý mình!

Tuổi không bao giờ tôi uống thuốc tây nữa.
Cũng chỉ tại gan đau... mình biết đấy chứ... Tôi
ngồi nhiều qua, ít khi cử động... Đã ba ngày hôm
nay tôi không sao?... —

— Tôi van mình, xin mình đừng nói gì thêm
nữa... Blanche ngắt lời, hai mắt đầy lệ.

Mặt Stroeve sụm lại: một đứa trẻ con bị
nặng. Hắn nhìn tôi bằng con mắt khẩn khoản và
van lơn cầu cứu. Tôi không sao nhịn cười được
nữa.

Một hôm chúng tôi đưa nhau lại một cửa hàng
có bày mấy bức tranh của Strickland, nhưng đến
nơi thì người chủ hàng bảo Strickland đã lại lấy
đem đi, vì một lẽ hắn không biết.

— Xin các ông đừng tưởng là tôi đề ý đến
chuyện đó, người chủ hàng nói. Sở dĩ tôi bày mấy
bức tranh của hắn ta cũng chỉ vì nề ông Stroeve
đấy... và xem ra có thể bán được thì bán, tôi cũng
chịu khó đề ý đến phái trẻ (nói đến đây hắn nhún
vai) nhưng ông Stroeve, ông xét xem, chỉ mất thì
giờ với những hạng như Strickland.

(Còn nữa)

LÊ DINH CHÂN dịch

VIỆC SÂY DỰNG MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM

VÕ ĐÌNH ĐÔ

(Tiếp theo và kết)

III. — Đại-học

Bậc trung-học, ngoài mục đích thực dụng tức khắc, còn có mục đích rèn luyện học trò lên các ngành đại-học. Sau bậc trung-học sẽ lấy thí những người đỗ được vào học các trường đại-học, kỹ thuật.

Các trường đại-học là các trường chuyên môn hẳn : chính-trị, ngoại-giao, văn-chương, sư-phạm, pháp-luật, quân-lý, canh-nông, thương-mại, khoa-học, y-học.

Học-trò tốt nghiệp ở các ban khoa-học, quân-lý, canh-nông, thương-mại, kỹ nghệ kỹ thuật ở bậc trung-học sẽ tùy theo sự chuyên môn của mình mà vào các trường đại-học, khoa-học, y-học, quân-lý, canh-nông, thương-mại, kỹ nghệ kỹ thuật. Học-trò tốt nghiệp ở ban phổ-thông bậc trung-học, sẽ tùy theo sở thích vào học các trường đại-học, chính-trị, ngoại-giao, văn-chương, sư-phạm.

Có thể vào học một ngành đại-học khác với ban chuyên-khoa đã theo ở bậc trung-học, nhưng phải qua một kỳ thi.

Đức-dục và thể-dục ở bậc đại-học cũng ở một địa-vị xứng đáng trong chương trình. Học-trò học thành các đoàn tráng-sinh và tự quản lấy.

Nhi-dồng giáo-dục, phụ-nữ giáo-dục và nền học bổ-túc

Giáo-dục nhi-dồng thực hành trong các mẫu-viễn và trường mẫu-giáo cho trẻ con từ 4 đến 5 tuổi : hát, trò chơi hướng dẫn để rèn luyện giác quan.

Con trai và con gái học riêng trường từ bậc tiểu-học đến bậc trung-học ; chương-trình phụ nữ giáo-dục chú trọng đến môn nội-trợ : may và thêu thùa, nấu nướng xếp đặt trong nhà, môn dạy nuôi con và vệ sinh gia đình, dạy rào, môn thủ công và một phần môn thể-dục và thể-mao trong trường. Ban trung-học con gái. Những ban chuyên khoa trong các trường trung-học con gái ít, hơn so với các trường con trai : phổ thông, thương-mại, canh-nông. Lên đến đại-học thì con gái, con gái học chung và theo cùng một chương trình.

Ngoài ra có các lớp học bổ-túc và các trường đại-học lấy thí cho phổ thông cấp đã phải thôi học sau bậc tiểu-học và trung-học.

B. — Sự tổ-chức thanh-niên

Đó là một lời khuyên thanh-niên bằng cách học thanh-niên thành lập các đoàn thể (ví dụ đoàn tuồng-đạo) trong đó đoàn-tình là những phần tử hoạt động, dưới sự hướng dẫn của những vị huynh trưởng, các vị này cũng đứng cách xa đoàn sinh như ông giáo đối với học-trò mà sống cùng với họ một đời sống bình-thản và thật là. Nhiệm vụ giáo-dục chính phải là ông thầy dạy dỗ học-trò, mà là đoàn-sinh tự dạy dỗ lấy và dạy dỗ lẫn nhau dưới sự điều khiển của các vị huynh trưởng.

a) Lời khuyên thanh-niên bằng cách tổ chức những thanh-niên đoàn là một phương pháp giáo-dục có hiệu quả hơn lời giáo-dục từ trên xuống dưới hoàn toàn do uy-lực của ông thầy lấy những lẽ sau đây :

1) Nó đã học sinh vào nội-cách sống, riêng có trong hình xếp đặt những hình-vi của chúng

theo những phương-châm, nhất định và có thể áp dụng. Những phương-châm ấy dựa vào một lý tưởng nhân-sinh.

2) Lời tổ-chức ấy để gây được sự ham mê của thanh-niên vì đời sống ở những đoàn-thể ấy có những cảnh, những cử chỉ ngôn-ngữ là lạ, những dấu hiệu riêng về quần áo giăng điệu rất hợp với trí tưởng tượng của con trẻ, có một sự gì huyền bí, thanh cao và có sức quyến rũ vắng trong điệu hát lên đi xuống hay rập rờn với ngọn lửa trại ban đêm ở một nơi thanh vắng bên cạnh những rừng cây và cây giữa một khu rừng.

3) Đức-dục, thể-dục và cả trí-dục là tập trong một thể-thức-hệ và thực hành không phải bằng bài dạy mà bằng sự hoạt động của đoàn-sinh, do đoàn-trưởng hướng dẫn và kiểm-sát. Thanh-niên-đoàn là lối tổ-chức cần-thiết của phương pháp « rèn luyện tính-khí ». Khi ca luân lý ở đây mất hẳn cái tính cách khô-khẽ mà thành êm dịu tuy kỷ-luật trong đoàn vẫn rất nghiêm ngặt. Nó lại có hiệu lực rộng hơn cái luân lý do một ông thầy dạy dỗ vì đời sống rộng rộng theo một lý-tưởng rèn luyện cho con trẻ nhiều đức-tính quý (qua đả-kết, trọng-kỷ-luật, nhận trách-nhiệm, tận tâm với gia-vụ, vị-ta...) mà một ông thầy khó lòng gây được cho học trò dù là một gương mẫu đạo-dức.

4) Sau lối lối tổ-chức thanh-niên-đoàn là bước đầu trong nền võ-luyện, vậy rất cần cho công cuộc phụng-sự quốc-gia; một chính-thể, hay một chủ-nghĩa.

Vì những cái lợi ở trên nên thanh-niên-đoàn ở nhiều nước đã thành những cơ-quan giáo-dục chính-thức. Nghĩa là sự tổ-chức thanh-niên là một phần trong chương-trình học và lối huấn-cho tất cả học-sinh. Thanh-niên-đoàn không còn là những tổ-chức « ngoài học đường » mà đi vào đặt trong phạm-vi trường học. Lối này thực một nền giáo-dục « rèn luyện tính-khí » không thể phân biệt sự học với sự tổ-chức thanh-niên và bộ giáo-dục phải tập trung cả hai tổ-chức ấy.

Sự tổ-chức thanh-niên cũng chia làm ba lúc đi liền với ba bước học:

1) Ở học tiểu-học, học-sinh hợp thành những tổ-đoàn do ông giáo chỉ-huy. Đoàn-sinh còn bé quá nên sự hướng dẫn của ông giáo phải vẫn chặt chẽ và bổn phận của đoàn-sinh là phải nghe theo lệnh của ông thầy. Giáo viên vừa dạy học lại vừa làm đoàn-trưởng. Muốn có một thí dụ về tổ-đoàn, ta có thể nghĩ đến các bầy sói con trong các đoàn huồng-đạo mà bầy trưởng dạy thêm cả « chữ rglia » nữa.

Ở học trung-học, học-sinh tập thành những đoàn thanh-niên. Mỗi đoàn có thể chia làm nhiều đội, có những đoàn trưởng hướng dẫn. Nhưng đoàn-sinh đi học tập vào sự quản trị trong đoàn để những làng kiêu dũng khiến và tổ chức được rèn luyện: tự kiểm soát thanh kiểm và công việc lẫn cho nhau về giữ kỷ-luật chung; những đoàn-sinh có tư-cách sẽ được anh em bầu làm đội-trưởng.

Sau học trung-học, tất cả thanh-niên trước khi tìm việc làm hoặc vào trường đại-học sẽ gia nhập vào các trại lao-công trong 6 tháng. Chương-trình sống trong các trại ấy, ngoài những buổi học tập, những buổi diễn thuyết, có những công việc phá rừng, làm đường, sửa ống, dựng sản vật đáng v. v. Ngoài sự rèn chí gan góc và hoạt-động, trại lao-công là một lối huấn-đạo các học sinh làm việc của một thanh-niên vào công việc hiến-thiết quốc-gia. Tiền chi phí về việc tổ-chức ấy, lẽ cả lên ăn-nặc của thanh-niên trong trại, do công quỹ chi trả.

Lên đến học đại-học, thanh-niên tập thành những đoàn tráng-sinh tự chọn lấy đoàn-trưởng có khi trong các ông giáo, có khi trong anh em đồng-học, tổ chức lấy đoàn, lập lấy chương-trình làm việc và hoạt-động dưới sự kiểm-soát của một vị Thủ-linh (ông-ta) thanh-niên do bộ Giáo-dục cử ra. Đó sống của các đoàn tráng-sinh ngoài những buổi họp bạn, thăm trại, còn có những việc diễn thuyết, viết báo (cho những tờ báo riêng của đoàn) tham dự các công cuộc xã-lội (cứu tế, truyền bá về sinh...) dạy trong các trường đại-học lối lối cho binh-dân... Những đoàn tráng-sinh có thể mỗi đoàn chuyên

về một ngành hoạt động : kỹ nghệ, canh nông, xã-hội, chính-trị...

Nói tóm lại sự tổ-chức thanh-niên có mục đích xếp vào cơ, ngũ tất cả thanh-niên để họ sống trong một kỷ-luật nghiêm ngặt (như kỷ luật nhà binh) theo một lý tưởng nhân-sinh mạnh mẽ. Đây là phương tiện đặc biệt của khoa sư-phạm : « Rèn luyện tinh-khí ».

C. — Giáo-viên và Đoàn-trưởng

Theo quan-niệm mới về giáo-dục, ta nên phân biệt ông giáo dạy chữ hay một khoa chuyên môn mà chức vụ là mở mang kiến-thức của học-trò và ông giáo rèn luyện tinh-khí, có trách-nhiệm hun đúc đức-hạnh và sự hoạt-động của thanh-niên. Đúng về phương-liện giáo-dục theo nghĩa hẹp của nó thì trách-nhiệm của ông giáo loại sau còn lớn lao hơn ông giáo loại trên. Ông giáo dạy chữ hay một khoa chuyên môn có thể gọi là giảng-viên hay huấn-luyện viên, còn ông giáo rèn luyện tinh-khí tức là huấn-trưởng những thanh-niên đoàn. Ở bậc tiểu-học, chỉ nên có một ông giáo cho một nhóm học-trò, vừa dạy chữ, vừa cầm đầu mỗi lớp-đoàn.

Ở bậc trung-học, chương trình học cần phải sự chuyên khoa của ông giáo, cho nên mỗi nhóm học-trò thường theo học nhiều thầy. Nhưng cần phải nguyên tắc mới này : những giảng-viên và huấn-luyện viên có thể nhiều được, nhưng việc đứng dạy và thể dục (khoa rèn luyện tinh-khí) chỉ nên giao cho một người tức là vị đoàn-trưởng của đoàn thanh-niên. Vai-trò trong phần trí dục, ngoài sự mở mang trí-tuệ cũng có ảnh hưởng đến đức dục, như quốc-văn, hán-tự, lịch-sử, các môn học nhân bản, cổ-điển và cận-đại. Những môn ấy nếu vị đoàn-trưởng nào dạy được thì lại càng hay. Nói một cách, tại, ở bậc trung-học, dù mỗi học-trò theo học nhiều thầy, nhưng trong số thầy giáo phải có một ông Thầy « cột trụ » giữ trách-nhiệm về giáo-dục thanh-niên dạy những môn quan trọng (quốc-văn, lịch-sử, đức dục, thể dục) và dạy một số

giờ nhiều nhất trong tuần-lễ. Chính ông này mới đáng mang danh là « ông thầy ». Cũng vậy đó, ông thầy « cột trụ » nên theo rồi học-trò trong một thời hạn khá lâu, 2 hay 3 năm chẳng hạn.

Ở bậc đại-học thường chỉ có giảng-viên và huấn-luyện viên (có huấn-luyện viên thể thao) còn ông giáo rèn luyện tinh-khí ở đây thường không có, vì đoàn trưởng các đoàn tráng-sinh thường do sinh-viên tự chọn trong những anh em bạn có tư cách. Trừ phi khi một giảng-viên đại-học đợa sinh-viên bầu làm đoàn-trưởng thì không kể.

Cái quan-niệm về « ông thầy » đã thay đổi theo sự xưng hô cũng cần phải khác xưa. Ở bậc tiểu-học, vì ông giáo vừa dạy chữ lại vừa điềm khiển một số đoàn thị học-sinh có thể gọi ông giáo là « Thầy » mà tự xưng là « con ». Tới bậc trung-học và đại-học, tại đối với giảng-viên và huấn-luyện-viên, học-sinh có thể dùng những chữ « ông » và « tôi » ; — đối với vị Đoàn-trưởng (ngay cả khi vị này có dạy những môn quốc-văn, lịch-sử...) thì gọi là « anh » mà xưng là « em » (Ở đây lại là một dịp mà ta thấy sự phiền phức trong lối xưng hô của ta !)

Sự huấn-luyện giáo-viên và đoàn-trưởng như thế nào ?

Giáo-viên ngạch tiểu-học là những thanh-niên đã tốt nghiệp ban phổ-thông bậc trung-học, đã sống 6 tháng trong một trại lao công thêm 6 tháng nữa theo học ở lớp sư-phạm.

Những giảng-viên và huấn-luyện-viên ngạch trung-học là những đã tốt nghiệp ở các ngành đại-học chuyên-môn và đã theo học ở một lớp cao-đẳng sư-phạm trong 6 tháng.

Những đoàn-trưởng các thanh-niên-đoàn bậc trung-học (vừa dạy cả quốc-văn, lịch-sử...) là những người sau khi tốt nghiệp ở ban phổ-thông bậc trung-học đã được huấn-luyện trong trường đại-học sư-phạm, mà ta nên gọi là trường : « Fua-linh Thanh-niên ».

Giảng-viên và huấn-luyện-viên ngành-tại-học sẽ chọn lọc ở trong các giảng-viên và huấn-luyện-viên ngành trung-học; bấu vào sự kinh-nghệm trong nghề và các công việc nghiệp-sâu sáng-tác, hoặc chọn lọc bằng những kỳ thi riêng.

Sau hết, trong nền giáo-dục mới, « Ông thầy » (ông giáo-viên) giữ một trách-nhiệm lớn lao cần phải hiểu một địa-vị xã-hội và cảnh-sống vật-chất trong đấng tối-chức vụ, và hiểu là những giới-thiền đạo tiêu-hoại đi sẽ bị « đẩy đi » ở thôn quê là những kẻ bị hệ-sinh đượ chế-độ bất-công-lời trước.

Bản chương-trình cải-cách giáo-dục vừa phác họa để nhiều trường-thờ thực hành, được ngay trong một lúc. Trong công cuộc-kiến-thiết nào cũng cần một thời kỳ chuyển tiếp. Những trường việc, say đứng lại một nền giáo-dục gần như cải-cách dần dần, vì sự thiếu thốn trợ-giúp trong việc học việc đầu mùa quan-trọng nhất là huấn-luyện một bọn « thú-liên Thiên-niên », có tư-cách là những người thợ chuyên-môn để xây dựng nền giáo-dục mới (1).

(1) Chương này viết ngày 2 tháng 4 năm 1915

VŨ DINH HOE

HỘI TẠI:
MINH NGỌC
 (Tiệm giặt khất)
 65, Phố Lò Đúc
 HÀ-NỘI

SỮA SOJA

Đề thay các thứ sữa hiện
 này không có. Các ngài chỉ
 nên dùng sữa S.M.A của, theo
 khoa học, là các chất bổ như
 sữa tươi

Những kết quả trái ngược và tại hai cửa hòa ước VERSAILLES

(Tiếp theo trang 6)

Trong khi đó sự cạnh-tranh của Đức lại xuất hiện và dài dài thắng thế trên khắp các thị trường quốc-tế. Một điều trái ngược là trong khi các chính phủ đồng minh ở Versailles tìm hết cách để làm cho kỹ-nghệ Đức không cở vốn mà khuếch-trương được, thì chính những công dân các nước đó lại vận tiền sang cho Đức dùng bằng cách mua đồ dùng mark vì hy-vọng đồng đó sẽ lên giá một khi kỹ-nghệ Đức lại mở mang như trước.

Đầu sao Đức cũng cố giữ cho đồng mark, mất giá ~~thật~~ là (t) trong khi họ bán hàng ra ngoài để thu về nước những đồng livre hay dollar, thì họ giả nhân công và khấu phí khác trong nước bằng đồng mark, mất giá; như vậy kỹ-nghệ Đức, được nhiều lợi và cở thế hạ giá hàng của mình xuống dưới giá hàng của Anh, Pháp hay Mỹ. Cái nguy-cơ cạnh-tranh của Đức là ở đó và những chủ-trương của Anh và Pháp định xóa bỏ Đức trên địa-dò kinh-tế hoàn-cầu thực đã hoàn-toàn thất-bại. Đến nỗi trong khi cuộc khủng-hoảng kinh-tế năm 1920 làm cho hết thấy các nước thắng trận bị điều-dùng thì duy có nước Đức, là nước kỹ-nghệ đệ-nhất vẫn tiếp-tục sự hoạt-động theo mục-thuởng.

Những kết-quả của hòa ước Versailles, trái hẳn với ý muốn của Clémenceau và của Lloyd George như thế càng thấy rõ rệt về vấn đề bảo đảm sự thi hành những điều-khoản của hòa ước Versailles mà ta sẽ đến ở một kỳ sau.

D. D. D

Dòng Du'ong

Việc dùng tiếng Việt-Nam trong các kỳ thi

Hôm mồng 3 tháng 5 vua rồi ông bộ-trưởng
bộ Giao dục đã đến diện kiến ông Kiam sai
Bác-hỷ ra lệnh tại bộ-hỷ tui Sơ-học yêu-lưu và
quyết định dùng tiếng Việt Nam trong kỳ tui Sơ
học bộ-túc sắp tới.

Đó là hai việc cải cách quan trọng ở bước đầu trong công cuộc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam.

Việc nuôi nấng đã có công dụng trực tiếp cho các học-sinh hiểu mọi gánh nặng đã không còn lại mà chỉ làm chậm thêm việc học hành và làm cho trẻ em thêm ốm yếu vì lo lắng.

Đặc thù hai dạng chủ yếu hơn là vì sự dang
kểng Việt Nam trong các kỳ thi là một nguyên
nhân chung của toàn thể quốc dân Việt
Nam trong lúc này và nó là một tương-ương
bổ trợ hơn hết của nền đạo-lập Việt Nam
trong thời-kỳ trước-thai.

Chúng ta vậy mà vừa gây hậu họa cho giới thanh
sản thiên thì tạo cho họ các đề hoàn ho ngại
hệ quả mới của Liên phủ Việt Nam.

*

**Việc bãi bỏ chế độ thu thuế ở
rừng-kỳ.**

Bao-dự số 14 của vua Bao-Dại đã bài bỗ ch:
đệ-tam theo ở Trung-kỳ. Đó là một điều rất đáng
mừng vì kẻ đệ-tam nước đã làm cho nông dân
Việt Nam phải đứng như kẻ mất nước. Thế
quốc dân đều đã trông thấy và đã nói đến rất
nhiều. Đó mới thực là một việc giải phóng triệt-
địa hơn hết và có ý nghĩa đầy đủ hơn hết đối
với dân tộc Việt Nam trong hiện-tình. Cho nên
hết may mọi người đều tin tưởng và hy-vọng
rằng dự dụ kia chỉ là phương sách đầu tiên
của một chính sách chung rồi ra sẽ đem áp
dụng cho toàn-thể nông dân Việt Nam.

T. N.

18 BAJ MIE & BAC

**Đánh điện hoan hô việc dùng
toàn tiếng Việt trong kỳ thi S. M.
Đ. ở Bộ Nội-các và quyết-định**

Từ ở tại miền trên của Ủy-ban quản
 trị trong đoàn của anh em bao, 30
 đại-bien của 18 cơ bao hàng ngày,
 cũng làm và tập-chi vừa mới phải
 học-dùng các công tác mới của anh
 em-mai lại, 24 giờ hàng ngày. Mỗi
 một là 30 phút, làm các công
 tác. Sau-cho đủ ban quản-trị của anh
 em của anh em, anh em là ông và
 anh em của anh em, anh em của anh em,
 anh em của anh em, anh em của anh em,
 anh em của anh em, anh em của anh em,
 anh em của anh em, anh em của anh em.

he do, nhân như vậy-ban, ông Hồ
 yêu cầu sự-đồng cảm này một vị cầu
 thủ trong phạm vi một tập-điểm này; toàn
 thể họ-đồng cảm ông Vũ định làm
 ghế cầu-lực và ông, Nguyễn Huệ
 tư-ky. Cuộc thao lược, gặt gao và
 nhữc-truyền, heo dãi trong hơn hai giờ
 và đã đưa đến những sự quyết định
 rõ rệt. Theo lời yêu cầu của tất cả đại
 biểu các báo, ông Vũ định làm
 một bức điện-thư gửi vào Nội-cục Fran-
 cophon Kim noon hồ lệnh cho dừng toàn
 năng Việt-Nam trong kỳ thi Sơ-học bằ-
 ng sắp tới. Nguyễn văn bức điện đó
 như sau này :

« Nội-các Trần trọng Kim — Huế.

« Là đạo mệnh Bắc hoàng hồ an
liệt việc dâng tấu tưng Việt - Nam
trong kỳ thu Sở - Ngô bề tước sắp tới do
Nợ - các vua quyết định.

Đoàn Bau giết miền Bắc •

**Các vấn-đề đưa ra quyết-định do sự
thỏa thuận của các đại-diễn của
các hội-ngiệp gia nhập bất-đồng của.**

BAO THANH - NGHI

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHUNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ THUẬT CHÂN CHÍNH

Trong số 26 tháng 5 1945

- | | |
|--|--------------------|
| Vấn đề thuộc địa sau chiến tranh | ĐỖ ĐỨC DUY |
| - Một chính sách bạo ngược của người Pháp : giá thóc phải nộp cho nhà nước | VŨ BÌNH HÒE |
| - Những ruộng bỏ hoang | PHẠM GIA KIỆT |
| - Nguyên tắc phân quyền hành-chính và tư-pháp | BÙI TƯỜNG GIỀM |
| Người Pháp đã hiểu những cuộc cách mệnh Việt Nam như thế nào ? | TRỌNG ĐỨC |
| - Thực dân đã truyền bá văn minh ? | D. G. T. |
| - Nhật xuất (kịch bốn màn của Tào Ngự) — (Tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| - Một tâm hồn nghệ-sĩ (Tiếp theo) | LÊ BÌNH CHÂN dịch |

BÁO

THANH - NGHI

TẶNG GIÁ

Các báo hàng ngày đã tăng giá từ 0\$20 lên 0\$30. Các bạn đọc bản cũng xé' cho vì tình-thế bất huơ' báo THANH-NGHI cũng phải tăng giá từ 0\$30 lên 1\$0 bắt đầu từ số 108 và vui lòng lượng thứ.

GIÁ BÁO DÀI HẠN :

1 năm	55\$00
6 tháng	20. 00
3 tháng	15. 00
1 tháng	5. 00
Chính-phủ :	gấp đôi

ĐÃ IN XONG

14 SỐ ĐẦY

THANH - NGHI

TÀI BẢN

GIÁ 16\$00 CƯỚC 1\$00

Vì có sự thay đổi về địa-chỉ, nên chúng tôi chưa gửi tới các bạn đã đặt mua. Muốn cần thản xin các bạn cho biết địa-chỉ lại và nhân tiện gửi cho cả giấy biên-lai. Bạn nào ở Hà - nội xin mang biên-lai lại lấy báo tái bản.

Chủ nhiệm : VŨ BÌNH HÒE — nhà in riêng của T. N.
GIẤY PHEP NGÀY 16 THÁNG CHAP NĂM 1944 SỐ 8709